

SÔNG BẮNG
BẾ LÃNG NGOẠN
bìen soạn

VĂN HẠC
LÊ VĂN HOË
sau nhuận

VIỆT - HÓA
THÔNG SỨ
SỬ - LƯỢC

TỦ SÁCH QUỐC-HỌC

QUỐC-HỌC THU-XÃ

SÔNG-BẮNG BIÊN-SOẠN
VĂN-HẠC SAN-NHUẬN

VIỆT-HOA THÔNG SỨ
SỨ - LƯỢC



TỦ SÁCH QUỐC-HỌC

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

Lời nói đầu

Đọc lịch-sử nước nhà chúng ta đều nhận thấy rằng : Tuy ở liền với Trung-Quốc — một nước đất rộng, người nhiều và có một nền văn-minh sớm vào bậc nhất thế-giới — nhưng trải qua mấy nghìn năm thành, bại, hưng-vong, dân-tộc Việt-Nam vẫn giữ được bản-sắc riêng, và tuy bị Bắc-Thuộc ngót 11 thế-kỷ nước Việt-Nam vẫn không bị hoàn-toàn Trung-Quốc-hóa. Bà thê, nhờ có linh-thần đoàn-kết mạnh-mẽ, biết bao nhiêu lần ông, cha chúng ta đã đại-thắng Trung-Quốc, củng-cô được địa-vị của mình trên bán-đảo Đông-Dương. Tuy vậy từ đời Đinh (968-980) đến cuối đời Tự-Đức (1847-1883) dù vẫn giữ được nền độc-lập thực-tế về chính-trị, nhưng chúng quy các vị quốc-vương Việt-Nam vẫn «nạp cống» sang Trung-Hoa.

Sở dĩ ông, cha ta phải thắn-phục Bắc-Triều như vậy là vì muôn thực-hành chánh-sách «hòa phia Bắc, diệt miền

Nam ». Chánh-sách ấy đã thu được kết quả tốt đẹp : Nước Nam đã thôn-tinh được nước Chiêm-Thành và đất Thủy Chân Lạp.

Thông-Sứ với Bắc-Triều là phương-tiện cốt yếu của chánh-sách đó. Vậy chúng ta nên biết qua những mảnh-khởe ngoại giao trong cuộc thông-hiểu với Trung-Quốc, những cống-phảm, tước phong, qua các thời-đai cùng những cuộc sứ-trình, những hành-vi và tiết-tháo của những vị Tuế-Công-Sứ Việt-Nam, những mối duyên văn-ràng buộc sĩ-phu Trung-hoa với các bậc khoa-hoạn nước nhà. Tất cả những điều gì có liên-can đến cuộc thông-sứ. Đó chính là nội-dung cuốn sách nhỏ này.

Ở đây chúng tôi xin trân-trọng cảm-tạ Trần văn-Giáp tiên sinh đã chỉ-dẫn cho chúng tôi nhiều tài-liệu quý (sưu-tầm trong thư-viện trường Viễn-Đông Bác-Cô) dùng để viết sách này. Chúng tôi lại không quên cảm-tạ ông Lê văn-Hoè Giám-đốc Quốc-học thư-xã — đã bảo-ban chúng tôi ít, nhiều phương-pháp làm sách, và

— 7 —

*đã vui lòng nhận san nhuận sách này.
Chính tên sách « Việt, Hoa thông-sử sử-
lược » cũng là do ông đặt cho.*

Viết tại Hà-nội
ngày 22 Mai 1943
Sông Băng
BÉ LÃNG NGOÀN

Những sách, báo tham - khảo.

Sách chữ Hán :

KHẨM-ĐỊNH VIỆT-SỬ THÔNG-GIÁM-CƯƠNG
MỤC.

LỊCH TRIỀU HIẾN-CHƯƠNG LOẠI CHÍ (VĂN
TỊCH CHÍ, NHÂN VẬT CHÍ, BANG GIAO
CHÍ).

BẮC QUỐC LAI PHONG KHÁI.

NHƯ THANH SỨ TRÌNH.

TÂY-SƠN BANG GIAO TẬP.

ANNAME CHÍ-LƯỢC.

Sách chữ Pháp

HISTOIRE MODERNE DU PAYS D'ANNAM CH. B.
MAYBON.

HISTOIRE DE L'EXTRÉME-ORIENT GROUSSET
HISTOIRE DES RELATIONS DE L'ANNAM AVEC
LA CHINE DU XVI^{ème} AU XIX^e SIÈCLE PARIS
1880 GRABIEL DEVÉRIA.

L'ANNAM DU MOYEN-ÂGE H. CASTONNET DES-
FOSSES.

RELATION DU ROYAUME DU TONQUIN MARI-
NI.

L'EMPIRE D'ANNAM CAPITAINE GOSELIN.

RELATION D'UNE AMBASSADE ANNAMITE EN
CHINE AU XV III^e SIÈCLE TRẦN VĂN-GIÁP.

Sách quýc ngư

VIỆT-NAM SỬ-LƯỢC TRẦN TRỌNG KIM.

VIỆT NAM CỘ VĂN-HỌC SỬ NGUYỄN ĐÔNG CHI
NAM HÀI DỊ NHÂN PHAN KẾ BÌNH.

NGƯỢC ĐƯỜNG TRƯỜNG THI NGUYỄN TRIỆU
LUẬT.

Tạp chí:

BULLETINS DES AMIS DU VIEUX HUÉ

BULLETINS DE L'ÉCOLE FRANÇAISE D'EX-
TRÉME-ORIENT

BULLETINS DE LA SOCIÉTÉ DES ÉTUDES IN-
DOCHINOISES DE SAIGON

LA REVUE INDOCHINOISE.

NAM-PHONG TẠP CHÍ.

TRI-TÂN TẠP CHÍ.

TRUNG BẮC CHỦ-NHẬT.

Phân thứ nhất

Nguyên-nhân sứ công-hiến. Công-phàm. — Tước phong. — Hành-trình sứ Việt-nam sang Trung-quốc và sứ Trung-quốc sang Việt-Nam. Nghi lễ tiếp, rước sứ Việt-Nam ở Trung-quốc và sứ Trung-quốc ở Việt-Nam. — Công-quán. — Lễ tuyên-phong.

I

Những mối quan - hệ giữa
người TRUNG-HOA và người
VIỆT-NAM

Theo Léonard Auroousseau (origine des Annamites BEFEO) thì tổ-tiêu chúng ta vốn là người nước Việt ở miền hạ-lưu sông Dương-Tử bị nước Sở dời Xuân Thu đánh đuổi phải chạy xuống miền nam ở Quảng-Đông, Quảng-Tây rồi dần dần đến Bắc-kỳ và bắc bộ Trung-kỳ.

Theo B. Maybon và Henri Russier (1)

(1) Notions d'histoire d'Annam page 6 Les Annamites sont probablement originaires des régions montagneuses qui marquent la limite entre la Chine et le Thibet.

thì gốc-tích người Việt-Nam hẳn là ở những giặng núi hiện nay còn làm địa giới cho Trung-Quốc và xứ Tây-Tạng.

Trái lại, theo tục-truyền thì vua Đế Minh (1) tổ-tiên người Việt Nam là cháu ba đời vua Thần-Nông,

Cả ba thuyết đều phỏng-đoán. Nhưng chúng ta có thể tin chắc rằng tổ-tiên chúng ta đều tự Trung-Quốc sang. Suốt đời Hồng-Bàng (2879-258 tr. Tây lịch, đời Thục (257-207 tr. Tây Lịch, nước Việt-Nam chỉ là một trong những bộ-lạc Trung Hoa. Sau này có Triệu-Vũ Vương chong lại nhà Hán nhưng Vũ-Vương là người Tàu nên người Việt-Nam càng dễ bị ảnh-hưởng kinh-tế, xã-hội, văn-hóa Trung-quốc. Đã thế, giữa lúc những đạo Nho, đạo Lão, đạo Phật đua-nhau phát triển ở bên Tàu thì đất Việt-Nam lại bị Bắc thuộc ngọt 11 thế kỷ (từ năm canh ngọ 111 trước Tây-Lịch đến

1) Việt Nam sử-lược của Trần Trọng Kim, cuổn thứ 9 trang 6.

năm kỷ hợi (939) sau Tây-Lịch) Bị xáp-nhập vào bǎn đồ Trung-Quốc, bắt cứ điều gì ta cũng noi theo Tàu, cả đền-tôn-giáo và học-thuật. Sự tiến-hóá trong nước vì thế không có sức mạnh gì đun đầy đến sự cần-dùng và sự đua-tranh. Không cần dùng thì không cõ gǎng, không đua ranh thì không có óc sáng-kiến nên chẳng bao giờ tai giỗi. Lại nữa, nước Việt-Nam ở vào miền nóng-nực, ăn mặc thường giản-dị, đơn-sơ, sinh sống thích nhàn-tản an-lạc. Cho nên ta chỉ bắt chước được chứ không phát biều được một ý-kiến gì. Phía đông giáp biển phía tây, phía nam giáp-giới những sứ Chiêm-thành, Ai-lao văn minh thấp-kém, nước ta chỉ cho Trung-Quốc ở phía bắc đáng làm khuôn-mẫu, nhưng Trung-Quốc xa ta quá, đường giao-thông lại bất-tiện, son-xuyên cách trờ, dân gian hẫu-hặc mới ra tới bờ cõi nước nhà, vì thế không có sự cạnh-tranh.

Về phương-diện chính-trị và kinh-tế dã như vậy, thì cố-nhiên về tinh-thần trước sau nước Việt-Nam vẫn chỉ là một

thuộc-quốc của Trung - Hoa. Miệt mài những Tứ-Thư, Ngũ-Kinh những triết-lý Khổng, Mạnh các cụ thủa xưa thật đã phung sự văn-hóa Trung-Hoa từ thể-chất đến tinh-thần, từ hình thức đến đạo-lý. Giấy dùng giấy Tương-Dương Hồ-Nam, mực Tùng-Tu, Hi-Châu, bút Giang-Tô, Triết-Giang còn sách toàn dùng sách in sẵn của Tàu. Đã hoàn-toàn hấp thụ văn-hóa Trung-Hoa nên vua Việt-Nam bao giờ cũng sợ Trung - Quốc tuyệt-giao với nước mình. Vì nếu sợi giây giao thiệp đứt, thì Trung - Quốc sẽ không bán sách, vở, các diển-khi, đồ sắt cho người Việt-Nam. Đời sống tinh-thần và kinh-tế sẽ bị ngừng trệ. Đây là chưa kể đến nguyên - nhân thiết-cận nhất là Trung-Quốc tuy lớn, mạnh nhưng bao giờ các « Thiên Triều Hoàng-Đế » cũng vẫn còn muôn thôn-tỉnh những nước lân-cận để mở rộng thêm lãnh thổ. Nước Việt-Nam là một trong những nước ấy. nên muôn tránh những trận chiến-tranh khốc-liệt, vua Việt-Nam đã phải từ thế-kỷ này sang thế-kỷ khác, nhận « tước phong » của Tàu. Lê

thu phong đã thành lệ, thậm chí một
đôi lần người Việt-Nam đại-thắng
« Triền » nhưng sợ một cuộc
phong-tỏa vĩnh-viễn, nên cứ mỗi khi
xung đột xong, sứ-thần Việt-Nam lại
sang Tàu, vua Việt-Nam lại nhận trước
phong. Những tǎn-kịch mâu-thuẫn ấy
luôn luôn diễn ra, nghĩa là kẻ chiến-
thắng phải cầu-hòa với kẻ chiến-bại.
Trải qua bao nhiêu thời-đai khơi-thủy
tự lúc Lý thường Kiệt đánh Tống, rồi Trần
Hưng-Đạo chống Nguyên, Lê thái Tổ
duỗi giặc Minh, Nguyễn Quang-Trung
đại phá quân Thanh, cứ mỗi lần thắng
trận là vua Việt-Nam, muốn giữ cho
cuộc giao-bảo với Trung-Quốc được lâu
bền, lại phải Tuế-công-sứ sang Tàu.

Thêm vào những lý-do kè trên, còn
một nguyên-nhân buộc các vua Việt-
Nam thua xưa phải thông-hiếu với
nước Tàu. Tuy thiểu óc sáng-kiến
nhưng tinh-thần đoàn-kết của dân-tộc
Việt-Nam bao giờ cũng mạnh. Dân-tộc
ấy, cách đây hơn bốn nghìn năm đã từ
miền Nam Trung-hoa dồn nhau về phía
Nam sinh sống bên giòng sông Nhì-bé,

Đất hép dân thưa, nhưng biết đoàn-kết với nhau nên hết thế - kỷ này sang thế-kỷ khác, dân-tộc ấy vẫn hùng-tráng sống một đời vẹ-vang. Dù luôn luôn bị nước láng - giềng to lớn xâm - chiếm nhưng tiềm-tàng một linh - hồn mạnh-mẽ dị-thường, dân-tộc Việt-Nam, trước sau vẫn giữ được đặc-tính, cùng bản-sắc. Nhận thấy người miền Nam hèn yếu hơn mình, ông cha chúng ta liền tiến-hành cuộc Nam-tiễn.

Quân Việt-Nam đã vượt núi, qua sông, diệt nước Chiêm-Thành, nước Chân-Lạp, thôn - tinh xứ Ai-Lao, bảo hộ xứ Cao-Môn. Các dân-tộc trên không những hiếu-chiến lại phản-bội luôn luôn, vua, quan Việt-Nam bao giờ cũng phải chuyên-chú tâm - lực vào họ để áp-dảo và mưu cuộc bình-trị nên thiếu lực-lượng chống-cự với những đạo quân dũng-mạnh miền Bắc.

Ấy, đại-dè việc nước Việt-Nam cõng hiển Trung - Quốc không ngoài mấy nguyên-nhân kè trên.

II

Chánh - sách đổi - ngoại của các vua Việt-Nam thủa xưa

Sau 1.000 năm bị nước Tầu đô-hộ (111 tr. Tây Lịch 939 sau T. lịch) từ đời nhà Đinh (T. 968-980) đến cuối đời Tự-Đức (1847-1883) tuy vẫn giữ được nền-dộc-lập thực-tế về chánh-trị nhưng vua Việt-nam vẫn nạp cống sang « Thiên-Triều » và chỉ được phong là Giao-Chỉ Quận Vươag, Annam quốc-vương hoặc Annam đô-thông sú. Đến Tự-Đức năm thứ 2 (1848), ngày 22 tháng 7, khi Thanh-sú là Lao sùng-Quang khâm mạng vua Tầu sang phong - vương cho vua nước

ta, triều-dinh Huế đã e ấp gấm che chừ Điện, hay cất những biển Cần-chành điện, Thái-hòa-diện di, vì chừ điện chỉ « Thiên-tử » được dùng còn chư-bầu thì có những chư dưới một bậc như : cung lầu, các. Trong chiểu-đu vua Việt-Nam vẫn xưng Trẫm nhưng ở biển dâng sang « Thiên Triều » vẫn nhún nhăn xưng « Annam quốc vương thần... », và dùng ngày, tháng niên-hiệu Tàu.

Tuy thế mặc dù, đối với Trung-Quốc người Việt-Nam vẫn giữ được nguyên vẹn tinh-cách độc-lập. Và Hoa-Kiều sang Annam sinh cơ lập nghiệp vẫn phải theo luật-pháp Việt-Nam. Đời Lê Trung Hưng (1532-1788) người ngoại-quốc trong đó đại-đa-số là người Trung-Quốc – chỉ được ngủ-eu từ bờ biển đến phố Hiển (Hung-Yên) Sau này, được chúa Trịnh cho phép, Hoa-Kiều mới được lên Kinh-dô Thăng-Long (Hà-nội) Đời Minh-Mệnh (1820-1848) Thiệu-Trị 1840-1847) Tự-Đức (1848-1888) triều Nguyễn, người Trung Quốc ở Hà-nội vào hầu quan Hà-Ninh lồng-độc đều phải trùt giày đi chân không

Có lâm người đã phải nọc ra đánh vì không giữ lẽ.

Coi đó thì vua Việt-Nam về danh-nghĩa tuy người Trung-hoa dãi như một biển-thần nho nhõ, nhưng về thực-tế lại nghiêm-nhiên là một vị quân-chủ độc-lập hoàn-toàn. Và, & vào trường-hợp này, chử Sứ dịch ra tiếng Pháp là « ambassadeur » không phải là một quan khâm-mạng nhà vua thực-hành Sứ mệnh ở ngoại-quốc. Nước Việt-nam không bao giờ có đại-sứ bên Bắc-Triều. Vua Việt Nam chỉ phái Tuể cống-Sứ sang Tàu chuyên chở-trường nững cuộc giao-hảo hay mang cống-phảm cống-hiến.¹ Tuể cống-Sứ đời trước cũng có thề vì nbu những vị-tông-trưởng ngoại-giao hiện thời.

Khi cuộc thông-Sứ tuyệt thời mỗi bang-giao gián-doạn, hai nước lại có trận giao-phong. Chiến-tranh xong, mặc dầu ta toàn thắng song nước ta vốn là nước nhỏ chẳng bao giờ đủ lực-lượng cầm-éự với Trung-Quốc một cuộc phản-kháng lâu dài nên dù « được trận » ta cũng phải tìm cách khéo léo tuyên-bố cùng nước

Tàu vừa « thua trận » là họ « không thua »
Vì thế sau mỗi cuộc xung-dột lại cần
đến sự biếu-trá bằng bút mực, và sú-
thần lại đem hết tài-học của mình để
làm tròn sứ-mệnh nhà vua phó thác cho
Khi sứ-thần vào triều-kiển, vua Trung-hoa
thường hay ra văn-sách, câu đối hoặc bày
ra một câu hiềm-hóć thật khó cốt để thử
xem trình-dộ học-văn nước Chu-hầu. Đì
sứ mà ứng-dối không giỏi tức là làm nhục
quốc-thề. Bởi vậy suốt một nghìn năm
giao-hảo, những vị quan lịnh trách nhiệm
ấy hoặc được cử ra tiếp Sứ Tàu đều là
những văn-quan. Sự lựa chọn này không
những căn-cứ ở cách ăn nói bặt thiệp, xú-
thế khéo léo nhưng còn vin vào lẽ Trung-
Quốc là một nước văn-hiếu mà hương
hoa đất nước và những tư-tưởng siêu-
phàm đều do những văn-nhân tạo nên.
Muốn biết trình-dộ học-thức và lịch-trình
tiễn-hóa của một dân-tộc chỉ cần giao
tiếp với những nhà « cầm bút » đại biếu
cho phái trí-thức. Từ năm mậu-thìn (968)
đến năm quý-mùi (1883) sự nhu-cầu đó
đã đào-tạo ra bao nhiêu bậc tài-hoa lối

lạc, học-lực uyên-thâm, giao-thiệp rộng, kinh-nghiệm nhiều, mảnh-lời tinh, khả dĩ giữ được thề-diện cho cả giỗng nòi Nam-Việt. Chu-Sán, sứ-thần Trung-Quốc dời Thành Thành-Tồ (Khang - hi 1662-1722) sang An-nam vào khoảng niên-hiệu Chính-hòa 1680-1705 dời vua Lê hi-Tông trong tập « Sứ giao ngầm hoàn », đã phải viết rằng : « Nhân-tài nước Việt Nam lý-học giỏi nhất Trình-Toàn (Nguyễn Bình Khiêm) văn-học có Nguyễn Đăng Cảo, Hồ sĩ Dương Vũ - Duệ, còn tài kinh-tế thì không ai bằng Mạc đĩnh-Chi, Nguyễn trung-Ngạn, Nguyễn Trãi v.v. »

Đương thời lúc Chu-Sán sang sứ An-nam vua Lê hi-Tông còn sai Nguyễn đĩnh-Trụ, Trần Đảo, Tống nho, Vũ duy Khuông, tiếp « Sứ », Nguyễn công Vọng, Lê Hi, Nguyễn đĩnh-Cồn. Hoàng công Chân làm bồi - tiếp, Nguyễn trạc-Dùng, Nguyễn công Nho, hộ-tống. Những vị đó tặng Chu-Sán hơn 34 bài thơ. Sán đều trân-trọng biên vào tập « Nam giao hảo âm. »

nước lớn nhưng nhiều khi trở thành những tặng - phẩm chiểu - lệ, nghĩa là miễn cỏ công là được rồi. Công - phẩm trừ vàng, bạc, châu báu ra, thường ít khi được Thiên - tử đe ý đến hay ngự dùng.

Theo ông Tuế công - sứ năm mậu - thìn (1868) là Nguyễn tư Giản (1) thuật chuyện lại thì một hôm vào điện vua Tàu chơi, ông thấy những thanh quế thật to trên viết những chữ « ngự dụng Việt-Nam Thanh - Hóa quế » ông liền hỏi viên quan coi kho : « Đây hẳn là quế công ? » Viên quan mỉm cười trả lời : « Không phải đây là quế nội-phủ, Hoa-kiều bên quý-quốc mua gửi về. Quế công « vứt » ở trong kia mà cũng chẳng ai nhận đến ».

Tuy thế mặc dầu, khi nào sự công - hiến ngừng-tuyệt thì mỗi giao - thiệp giữa Việt Nam và Trung - Quốc bị cắt

(1) Theo « Ngược đường Trường Thi » của Nguyễn Triệu - Luật trang 64 (Tân - dân thư quán xuất bản).

đất, và giữa hai nước có thề gây nên cuộc chiến-tranh.

.. .

Đời Triệu năm Ất-tị (196 tr. Tây Lịch, năm thứ 12 đời Triệu Vũ-Vương (207-137 tr. Tây Lịch) năm thứ 11 đời Hán cao-Tồ, Hán-dế sai Lục-Giả sang phong vương cho Triệu-Vũ-Vương, từ đó trở đi Trung-Quốc và Nam - Việt thông biếu rất thân-mật. Năm mậu-ngo (183 tr. Tây Lịch) Hán-cao-Tồ mất, Lữ-Hận lâm-triều tranh quyền Huệ-dế cầm người Hán bắn đòn sét và điện-khi cho người Nam. Vũ-Vương tức giận tự-lập làm Nam-Việt hoàng - đế rồi cử binh-mã sang đánh Tràng Sa (Hồ nam) Nam canh-thân (181 tr. Tây Lịch) Hán-Triều sai tướng đem quân sang đánh nhưng không hợp thủy-thồ bị thua to. Thanh-thế Triệu Vũ-vương lùng lẫy khắp mọi nơi. Được ít lâu Hán văn-Đế lên ngôi sai Lục-Giả đưa thư sang khuyên, Triệu Vũ-Vương chịu bỏ đế-hiệu viết thư phúc-dáp rồi saj sứ sang cống nhà Hán :

1 Đồi ngọc trắng, 10 bộ sừng tê-giác,
500 con đồi mồi, 1.000 con chim chà, một
đồi không-tuờc, một hộp quế-dỗ (1)

. . .

**Đinh (968-980), Tiền-Lê (980-1009), Lý
(1010-1225)**

Đời Đinh sự công-hiến bắt đầu từ năm
nhâm-thân (972) và sứ-bộ do Đinh-Liễn
con trưởng Đinh-Tiên-Hoàng đứng đầu.
Sau, nhà Tiền Lê (980-1009) nhà Lý (1010-
1225) cũng thường phái sứ sang Bắc-
Triều (2) Công-phẩm bấy giờ không ngoài
những : vàng bạc, châu báu, tê-giác, ngà
voi, bạch-phản y hương, giáng chân
hương, trầm hương-ốc hương, mộc

(1) Quế dỗ ta gọi là « Đà cuống » là sắn cây
quế ăn có mùi thơm thường rất săn ở miền
thôn-quê, nhưng ở Tây-Hồ có hương-vị bơa.
Triệu Đà đem công nhân mảnh-danh là « Quế
Dỗ ». Hán văn-Đỗ cho là Đà nói dối nên gọi là
Đà-cuống (cuống lá nói dối)

(2) Trước đời Đinh (968-980) tiết độ-sứ Giao-
châu là Khúc-Hạo đã sai con là Khúc thừa-Mỹ
sang sứ Nam-Hán tiếng là kết-hiến nhưng cốt
để thám tình thế nước Tàu.

hương, hắc tuyễn hương, chỉ phiến, tử
giảng hương, hạt cau (bình lang), sa-
nhân, chu sa, tò bợp dầu v. v.

..

Trần (1225- 1400) Vào khoảng niên-hiệu
Thiên-Long (1258-1272) Bảo - Phù (1273-
1278) đời Trần thánh-Tông (1258-1288)vua
nhà Nguyên (1280 - 1341) muôn thôn-tinh
Việt-nam, nên không những buộc Trần
thánh-Tông ba năm cống-hiển một lần
mà cống phẩm ngoài vàng, bạc, đài-mỗi
súng tê-giác v. v. còn gồm cả nho-sĩ,
thầy thuốc, thầy bói, thầy số và thợ
thuyền mỗi hạng ba người.

Sau khi Hưng-dạo đại-Vương Trần
Quốc-Tuấn 2 lần chiến-thắng Thoát-Hoan
(1284-1288) thì cống-phẩm lại tăng lên
gấp bội. Vì tuy đại-thắng về mặt trận
binh-binh hung về mặt trận ngoại-giao ta
vẫn phải nhún nhường, mục-dịch không
ngoài việc giữ yên bờ cõi.

Lúc nhà Nguyên suy yếu, lệ triều-cống
bỏ hẳn. Dứt được nhà Nguyên, Minh
Thái-Tđ (1368-1398) muôn thôn-tinh

Việt-Nam bèn sai sứ sang hạch cái nợ, đòi cái kia. Ngoài những công - phàm thường lệ, năm Giáp-tí (1384) vua Tầu còn buộc Trần Phế-Đế (1377-1388) phải cấp 5000 thạch lương cho quân Minh đóng tại Vân-Nam. Năm Ất-sửu (1385) nhà Minh lại đem 20 tăng - nhàn Annam về Kim-Lăng và đòi gỗ quý, lương-thảo, mục-dịch để xem xét tình-hình nước ta thua ấy thế nào.

. . .

Hồ (1400-1407) Họ Hồ tiếm-nghịch, Hồ-quý-Ly cắt 59 thôn ở Cồ-Lâu i hưởng cho nước Tầu rồi luôn luôn giữ lệ triền-công. Tuy vậy, nhà Minh vẫn nhòm ngoè và cử quân xâm-lược Việt-Nam. Hồi thuộc Minh (1424-1427) hằng năm ta phải đóng góp cho Tầu: 13 triệu 80 vạn hộc (mỗi hộc đeo 60 lít) thóc thuế, 135.900 con vัว voi, vัว bò, vัว ngựa, 8.700 chiếc thuyền và 2.539.000 thú quân-giời.

. . .

Hậu-Lê (1428-1527). Sau 10 năm (1418-1427) đánh Tầu, Lê thái-Tông (1428-1433-

đem giang-sơn Việt-Nam về một mõi. Việc cống-hiến gắt gao hơn trước. Cứ ba năm một lần, nước ta lại đem cống nhà Minh (1368-1628) hai người bằng vàng gọi là « Đại-thân Kim Nhân » vì lúc đánh trận Chi-Lăng quân ta giết mất 2 tướng Minh là Liễu-Thăng và Lương-Minh) cùng những phuơng-vật sau này : 1 lư hương bằng bạc, một đôi bình hoa bằng bạc, 300 tấm lụa, 14 đôi ngà voi, 12 bình huân y hương, 2 vạn nén hương và 24 cây hương trầm. (1)

Mạc.. (1527-1592).. Năm đinh-dậu (1537) khi được tin Mạc-đăng-Dung cướp ngôi nhà Lê, Minh Thế-Tông Gia-Linh muôn thừa dịp thôn-tịnh Việt-nam liền sai đô đốc Cửu-Loac, tản lý quân vụ Mao bá-Ôn đem quân sang. Quân Tầu đến Quảng Tây, tháng chín năm canh tý (1540) Mạc-đăng-Dung cùng cháu là Mạc văn-Thịnh đăng-thuộc là Vũ như-Quế và 42 tướng

1) Sách « Lịch-triều hiến-chương » nói có một người vàng.

lính qua Trấn Nam-Quán chấn di dắt, cõi
đeo gông đến phủ mạc-tướng Mao bá-Ôn
cùi đầu tạ tội. Dâng hàng-biép rồi, Mạc
đăng-Dung cõi đem số địa-bạ nộp quan
Tầu và xin hiến đất Tè-Phù (thộc Shiếp-
Lãng), Kim-lặc, Cồ-Lâm, Liễu-cát, La-Phù
(thuộc Như-Tích) để Trung-Quốc xáp
nhập vào Khâm-châu.

Chẳng bao lâu Mạc đăng-Dung mất. Mạc-
phúc Hải lập chức Đô Thống-sứ hàm quan
nhị phẩm của Tầu, Hải sai Mạc, Kinh-Điền
đem phương-vật sang cống nhà Minh :

Một lư hương bằng vàng và 4 chiếc
bình hoa nặng 1ugbin 49 lạng, 1 lư hương
bằng bạc, 2 chiếc bình hoa nặng 150
lạng, 12 cái mâm bằng bạc nặng 6 trăm 41
lạng, 1 con rùa bằng vàng nặng 90 lạng,
1 con hạc bằng bạc và 1 chiếc dài cũng
bằng bạc nặng 51 lạng, 60 cân trăm hương
13 cân hồi hương, 30 bó giáng-chân-hương
20 cặp sừng tê-giác (1), 30 cặp ngà voi.

1) Xem trang sau.

Lê trung hưng (1532-1788)

Năm định đậu (1597) lúc Bình an Vương Trịnh Tùng khôi phục được Thăng-Long phái công bộ tả thị lang Phùng Khoan và Thái thường tự khanh Nguyễn nhân Thiêm sang Yên-kinh xin Minh-Đế phong vương cho Lê Thế Tông (1573-1599 thi công-phàm lại nhiều gấp đôi những lần trước.

Sau đó ít lâu, Lê thế Tông (1573-1599) vin vào cõi đường xa xa xôi, hiềm trờ xin Bắc Triệu cho nước Việt nam sáu năm công hiến một lần. Công phàm nhiều gấp đôi. Minh Thành Tông (1567-1567) ưng thuận. Năm định mùi (1667) Tuế công-sứ Nguyễn Nhuần hết sức biện bác tâu xin vua Khang Hi (1662-1722) vui lòng bỏ bớt đi nhiều sự yêu-xách về việc công-hiến. Nhưng, mấy năm sau vì tình hình chánh trị thay đổi, Bắc Triệu lại buộc Nam Triệu cứ 4 năm công hiến một lần. Trong thời kỳ ấy công phàm ổn định như sau này :

600 cân trầm hương, 1200 cân phấn y hương, 4 ngà voi, 4 sừng tê giác, (1) 600 tấm lụa, 200 tấm vải chúc bâu v.v.

(1) Xem trong sau

..

Đời Tây Sơn (1788-1802) vua Quang-Trung không những đã thắng nước Tầu về mặt binh bị lại thắng cả về mặt ngoại - giao. Nhà vua phá bỏ được lệ cống người vàng - món nợ Liễu -

(1) Tê-giác : Theo cổ Mariny sang truyền giáo ở nước ta về thế kỷ thứ XVII tác giả - cuốn Relation de Tonquin thì sừng tê-giác bấy giờ rất được chuộng dùng. Sừng tê-giác dùng để giã đặc nên những nhà có cửa hay tích trữ trong nhà nhất là tại những vùng dân gian thường có ác tục hại lẫn nhau. Cũng có người nói quả quyết rằng nếu dám phải gai, chỉ đem tán một ít sừng tê thành bột hòa với nước rồi giáng nước ấy rửa chỗ đau thì gai tự nhiên rời ra rất dễ dàng và chẳng đau đớn gì !Những quan lớn nước Tầu lúc thiết tiệc hạn thân hay rót rượu vào sừng tê giác để khôi bị say vì sừng tê (giác có tính cách giải độc. Muốn thử xem sừng tê có tốt hay không, người ta đem treo thanh kiếm bằng một sợi giây rồi cầm sừng tê để gào kiếm nếu tay chuyền sừng đi mà kiếm quay theo thì sừng tốt Nếu kiếm đứng im thì là sừng tê giả. Cũng có người bảo nếu trong sừng tê có vân vàng mọc tủa ra đến khắp ngoài rìa là sừng tốt. Nếu tê giác vừa có vân vừa làm quay được kiếm thì giá rất đắt, vì có những công dụng kể trên nên sừng tê-giác đã là một công-phầm.

Thăng từ đời Lê đè nặng trên lưng dân tộc Việt-nam trong bao nhiêu năm đồng đã.

. . .

Vua Gia Long (1802-1820) nhặt-thống Nam, Bắc lên ngôi hoàng-đế rồi, năm giáp-tí (1804) cũng sai chánh sứ Lê Bá Phàm đem cống phẩm sang Trung Quốc. Từ đó đến năm quý vị (1983) Nam Triều cứ 3 năm 1 lần sang cống hiến Tần. Cống-phẩm gồm có : 200 lạng vàng, 100 lạng bạc, lụa và vải mồi thứ 100 cây, 2 bộ súng tê giác ; ngà voi và quế mồi thứ 100 cân. Cống phẩm chỉ phải giao cho quan tông đốc Lưỡng Quảng để về Bắc kinh còn sứ Việt Nam thì khi nào cần bàn bạc về những việc quân-quốc đại-sự mới sang kinh đô Tần.

. . .

Trước triều Nguyễn, lúc sứ-đoàn đến Bắc-kinh thì nhân-viên phòng thông ngôn chuyên ngay đến bộ Lễ bàn thống-kê cống phẩm. Xem-xét cẩn-thận rồi, quan tham

tri bô Lê giáo cống-phâm cho liêu-thuộc rồi quan Lê-bô Thượng thư dâng biều xin Hoàng-dế ủy quan coi kho thâu-nhận Kế đó, sứ-bô lui về sứ-quán đợi ngày vào triều-kiến vua Trung-hoa. Việc xong sứ đoàn trở về nước thì Bắc-Triều cũng ban cho sứ thần đem về tặng Annam quốc vương ; nhân-sâm, gấm vóc càng những sản vật quý của Trung-Quốc.

Lê ban đồ tặng-hảo cử hành rất-long trọng. Về mé bên trái đường chính giãn đến Ngọ-môn trên một cái bàn giải vóc vàng đồ tặng hảo đã được trân trọng dê lên. Nhân viên phòng thông ngôn mặc triều-phục giãn chánh sứ Việt-Nam cũng mặc triều phục qua mé đông 3 cửa : Trường An, Thiên An, Đoan Môn, rồi đứng túc trực tại phía tây Đại nội Quan khâm-mạng cùng các thượng quan đứng tại góc bàn phía nam, ngoảnh mặt về phía tây. Nội thị đứng đối diện nhau ở ngoài sân, Lúc mọi người ai đứng theo địa-vị. nấy, rồi nội-thị theo lời xướng của thuộc viên bộ Lê, hướng giãn sứ thần Việt-Nam vào phía tây sân rồng. Lời nói, sứ-thần túc-trực tại đó, ngoảnh mặt về phía bắc,

rồi theo lời xướng, khẩu đầu 3 lần, vái 9 vái. Quan Khâm-mạng trình-trọng nâng đồ tặng hảo trao cho các viên thông-ngôn chuyền giao cho viên chánh-sứ. Viên Chánh-sứ lúc đó quỳ nhận rồi lần-lượt đưa cho các viên tùy-tòng. Những viên này kính-cần đón lấy và khẩu 3 khẩu, vái 9 vái. Lê tất.

IV

Tước-phong

Tuy vẫn giữ được nền độc-lập, nhưng, từ đời Đinh (968-980) đến cuối đời Tự-Đức (1883) vị quốc-vương Annam nào đã chính thức nhận tước-phong và theo chính-sóc của Tàu thì đối với thần, dân vị đó mới đủ quyền-hành và uy-vũ. Vì thế, cứ mỗi lần một vị quốc-vương Annam lên ngôi thì quan Khâm-mạng Trung-Hoa lại sang tuyên phong. Sự nhận tước-phong ấy chỉ là một cách khôn-khéo cốt làm cho nước yên-trị. Vì, cứ bình-tịnh mà xét thì suốt lịch sử Việt-Nam không có vị quốc-vương nào thật tâm thần-phục « Bắc-

Triều ». Tự biết là không đủ lực-lượng chống với Trung-Quốc to, lớn, giàu, mạnh vua Việt-Nam bẽ ngoài đành phải nhận tước-phong nhưng bẽ trong vẫn tìm hết cách chống lại.

Tuy ở các biều dâng sang Trung-Quốc vua Việt-Nam phải để tên thật và niên hiệu vua Trung-Hoa nhưng bao giờ cũng vẫn là một vị « Thiên-Tử » trong giang-sơn của mình. Một đời khi vua, Việt-Nam từ chối hẳn việc Bắc-Triều bắt buộc sang triều-kiến và thường vin vào cớ đường giao-thông khó khăn, núi non, cách-trở hay ốm-yếu hoặc có đại-tang để thoái-thác.

KHÚC, NGÔ. — Vị quốc-trưởng Việt-Nam đầu tiên thụ tước-phong của Bắc-Triều là Khúc-thừa-Dụ quán tại Hồng-Châu (Bình - Giang và Ninh - Giang Hải - Dương). Khúc-thừa-Dụ được Đường-Chiêu-Tuyên phong làm Tĩnh-hải quân tiết độ sứ (năm Bình-Dần 906) để cai-trị Giáo-Châu sau lại gia-phong làm Đồng-Binh-chương-sứ.

Kế họ Khúc (906 917) đến đời Ngô (939 965) nhưng lúc đó nước Tàu đang loạn lạc nên chưa rảnh tâm nghỉ đến miền nam.

ĐINH. — Cuộc bang-giao giữa Bắc-Triều với Việt-Nam chính-thức khởi tự đời Đinh (968 980). Buổi ấy khi dẹp xong Thập Nhị sứ quân, Vạn-Thắng-Vương Bình bộ Lĩnh lên ngôi vua đặt quốc-hiệu là Đại-cồ-Việt xưng là Đinh tiên Hoàng. Tổ chức xong việc triều-chính Đinh tiên Hoàng sai con trưởng là Đinh-Liễn sang Tàu dâng nhà Tống (960 1278) lè-vật. Năm Quý-Dậu (973) Tống-Thái-Tô sai sứ sang phong Đinh tiên Hoàng làm Giao-Chỉ quận vương, Đinh-Liễn làm Kiêm-hiệu thái-sư tinh-hải quân tiết-dụ sứ Annam đô hộ. Năm Bính-Tí (975) Liễn được gia phong Giao-Chỉ quận vương.

TIỀN-LÊ. — Lúc Lê-Đại-Hành (980 1005) nỗi ngôi nhà Đinh thì chỉ được vua Tống

Thái-Tông (76 9998) phong làm Tiết-đô sứ, năm Quý-Tị (993) được sách phong làm Giao Chỉ quận vương, năm Đinh-Dậu (997) gia-phong là Nam-Bình-Vương.

LÝ (1010 1225). — Năm Canh-Tuất (1010) niên hiệu Thuận-Thiên nguyên niên đổi Lý - Thái - Tồ (1010 1028) Tông-Chân-Tông (998 1022) cũng phong Lý Thái-Tồ làm Giao Chỉ quận vương rồi vào khoảng niên-hiệu Thiên - Hy (1017 1021) lại gia - phong làm Nam-bình quận vương Lý-Thái-Tông (1028 1054), Lý-Thánh-Tông (1034 1072) đổi quốc hiệu là Đại-Việt đều thụ tước kè trên. Kể đến Lý-Nhân - Tông (1072 1127) thì năm Đinh - Mão (1087) được Tống Triều gia - phong làm Nam-bình-Vương.

Đời Lý-Anh Tông (1138 1175) vào khoảng năm Giáp-Thán (1164) vua Tống-Hiển-Tông (1163 1174) đổi Giao-Chỉ quận làm Annam quốc và phong Lý Anh-Tông làm Annam quốc vương. Thủ là nước Nam trước kia Bắc Triều gọi là Giao chỉ quận, đời Đường (618-907) đặt là Annam đô-hộ phủ, nhà

Đinh 968-980 gọi là Đại cồ Việt, Lý Thánh Tông (1054-1072) đổi là Đại Việt nhưng Bắc Triệu vẫn phong vua ta làm Giao chỉ Quận Vương. Đến đời Lý-Anh-Tông và từ bấy giờ trở đi mới đổi là Annam quốc-vương.

TRẦN (1225 - 1400), HỒ (1400 - 1407),
HẬU-LÊ (1428-1527) – Suốt đời Trần từ
Trần thái Tông (1225-1258) đến Trần thiêng
Đế (1398-1400) đều được Bắc Triệu phong
làm Annam quốc-vương.

Năm canh-i-hìn Hồ quý-Lý cướp ngôi
nhà Trần làm vua được non một năm
rồi nhường ngôi cho con thứ là Hồ hán
Thượng. Hồ hán Thượng sai sứ sang Tàu
cầu phong. Minh Thành Tổ (1403-1424)
tuy muốn thôn-tidea Việt nam nhưng
không có cái gì chia-đảng bắt đắc để
phải gia-phong Hồ hán Thượng làm
Annam quốc-vương. Khoản ấy sau này
Vua Tàu lại phong cho các vua đời Hậu
Lê (1428-1527).

Mạc (1527-1592) Khi nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê thì vua Minh Gia-Tĩnh xuống chiếu đổi Annam - quốc làm Annam đô thống sứ ti, phong Mạc Đăng-Dung chức Đô Thống Sứ, hàm quan nhị phẩm Minh Triều. Minh Gia Tĩnh (Thế Tông 1522-1567) lại đổi 13 trấn làm 13 Tuyên phủ ti : Thái Nguyên, Lạng Sơn, Kinh Bão, Minh Thuận (Tuyên Quang) Hưng hóa, Sơn Tây, An Bang, Hải Dương, Trung đô phủ (Hà-nội) Sơn nam Thanh hóa, Nghê An) Thuận hóa, Quảng nam.

Năm nhâm thìn (1592) Trịnh Tùng phục-hưng được nhà Lê thi con cháu nhà Mạc chạy sang Tầu kêu với Minh để rằng họ Trịnh nòi lên tranh ngôi chứ không phải nhà Lê trung-hưng. Vua Thành Tông (1573 - 1620) sai Vương-kiên Lập sang cửa Nam-Quan khám-xét.

Tháng 3 năm bính thân (1596) Lê Thế Tông (1573-1599) sai bộ bộ thương-thư Đỗ Uông và đô ngự sử Nguyễn văn Giai lên Nam-Quan tiếp đón sứ Tầu. Nhà vua lại ủy hai hoàng thân là Lê Cảnh, Lê Lưu cùng Công-bộ tả thị-lang Phùng

khắc-Khoan đem 10 kỳ-mục, 100 cân vàng, 100 cân bạc, quả ăn Annam đỗ thống sứ của nhà Mạc và ăn Annam quốc vương của triều Lê khi xưa lên Nam Quan để Vương kiêm-Lập khám-xét. Tuy thế, quan Tầu vẫn đòi Lê Thế Tông thân đến hội-kiến ở Nam Quan. Trịnh Tùng sai Hoàng đình Ái, Nguyễn Hữu Liêu, Bùi bỉnh Khiêm thống-lĩnh một vạn binh hộ-vệ Lê thế Tông sang phó-hội.

Nhà Minh yêu-xách nhiều diều và buộc Nam Triều cống người vàng như đòi Lê Thái Tổ (1428-1433). Tháng tư năm sau (1597) sứ nhà Minh lại mời Lê Thế Tông lên Nam Quan. Nam triều sai thái-uy Hoàng đình Ái đem 5 vạn quân hộ giá. Xa giá về Thăng Long Bình-an Vương Trịnh Tùng phái Phùng khắc Khoan sung chức chánh sứ, Nguyễn nhân Thiểm làm phó sứ đem cống-phẩm sang Yên kinh cống-hiến và xin thụ phong. «Chuyển đi» ấy kết-quả không mỹ-mãn. Dù Phùng khắc Khoan hết sức biện-bạch nhưng Minh Thần-Tông cũng chỉ

phong cho Lê Thân Tông làm Annam đô
thống sứ, hàm quan nhị phẩm Minh-triều.

..

Cách đó ít lâu, vua Minh khôi phục
tước cũ cho họ Lê. Và, đời Lê Chân-Tông
(1643-1649) Minh Quế - Vương thất-thể
thiên đỗ di Quảng Tây cũng sai sứ sang
phong Chân Tông làm Annam quốc-vương.

Năm quý mão (1663) nhà Minh mất
ngôi. Nhà Thành (1644-1911) dấy nghiệp
ở nước Tàu. Tây Vương Trịnh Tắc (1657-
1682) sai sứ đến cống-phản sang Bắc
kinh cống Thành-Triều.

Năm dinh mùi (1667) Thành Thành Tô
Khang-hi (1662 - 1722) phong Lê Huyền
Tông (1663-1671) làm Annam quốc vương.
Từ đó đến đời Lê Mân-Đế (1781-1788)
các vị vua kế-vị Lê Huyền Tông đều được
Bắc-Triều phong làm Annam quốc-vương.

..

Tây-Sơn (1788-1802). — Đời vua Quang
Trung (1788-1792, nhà Tây-Sơn nước Việt
nam đã trở nên hùng-cường khiến vua
quan nhà Thành phải nín ngó bằng cấp
mất e dè, kiêng nề. Không những vua

Thanh-cao Tông, Càn-Long (1736-1795) phong vua Quang Trung làm An-nam quốc-vương mà thời-thường còn sai sứ sang Annam ban cho nhà vua khi thi nhân-sâm, khi thi ngọc-quý, quà cáp hậu vô cùng. Vua Quang Trung xin tha thuế và mở đường thông-thương ở Bình Thủy và Du Thôn, xin quốc-hà, xin buôn-bán ở biên giới không phải nộp thuế, vua Càn-Long đều thuận cho. Vua « Tàu » còn khao-khát muốn thấy mặt viên tướng đánh bại 29 vạn quân Tôn-sĩ Nghị Chảng muốn làm mích lòng vua Tàu, vua Quang-Trung chọn một người giống mình tên là Phạm Công-Trí sai các quan văn, võ Ngô văn Sở, Đặng văn Chân, Phan huy Ích, Võ danh Tiên, Võ huy Tấn, Nguyễn tiến Lộc, Đỗ văn Công, Nguyễn văn Ích phù sang tận Bắc kinh. Ông « vua giả ấy » được vua Càn-Long dâng ngang hàng các vị « thân vương » và được làm lễ « ôm gối » Thanh-dế. Hân-hạnh hơn là mùa xuân năm tân bối (1891) vua Quang-Trung còn nhận được chữ « phúc » do chính tay

của Âu Châu một vài chiếc tàu biển nhưng đây chỉ là những tuần dương du hạm, dùng để di kinh-lý từ tỉnh này sang tỉnh nọ chứ không thể đi xa. Bởi thế, các Tú-đông Sứ thường đi đường bộ qua các tỉnh miền nam Trung hoa rồi dùng thuyền lên miền bắc.

Từ thế-kỷ thứ XIII đến đầu thế-kỷ XV, sultan Trần (122-1400) nhà Hậu-Lê (1428-1527), thường đi đường Quảng-Đông hay đường Mai-Linh. Khoái-hành từ cửa Nam Quan sứ-bộ theo triền sông Minh, Tả-Hữu Tây qua tỉnh Quảng-Tây đến tỉnh lỵ Quảng-Châu (thuộc Quảng-Đông) đi thuyền sông Vũ-Thủy, sông Bắc đến huyện Nam-Hùng. Tại đây, Sứ-bộ theo đường bộ qua Mai-Linh xuống thuyền sông Chương-Thủy, rồi sông Cống thuộc địa-phận tỉnh Giang-Tây. Qua Phan-dương-Hồ đáng lẽ theo dòng sông Dương-Tử sứ-bộ lại noi sông Tiền-Đường, Vạn-Hà, Bạch-Hà đến Bắc-Kinh sau khi vượt qua mấy tỉnh Triết-

Giang, Giang-Tô, Sơn-Đông, Trực-Lệ

Trước năm Canh-Thân (1680) sứ-nhà Lê
cũng khởi hành từ cửa Nam-Quan tới Vưu
mai-Linh rồi rẽ về phía bên trái đến Quế
Đương để qua sông Lai, sông Tương, hồ
Đông-Định, đến sông Dương-Tử. Vượt qua
mấy tỉnh Hồ-Nam, Hồ-Bắc, An-Huy, Giang
Tô, sứ-bộ nghỉ-ngơi tại Nam-Kinh. Đoạn
dùng đường thủy theo vận-hà đến Tề-Ninh
thủ-dô tỉnh Sơn-Đông lên Bắc-Kinh.

..

Từ năm Canh - Thân trở về sau dưới
triều Thanh, sứ-nhà Lê-Trung-Hưng (1532
-1788) thường noi đường Quảng-Tây sang
Tàu. Rời trấn Nam-Quan sứ-doàn cũng
theo đường của những đoàn sứ-bộ trước
đến Ngũ-Châu — một thị-trấn sầm uất ở
địa-dầu hai tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây
và rẽ sang bên trái theo triền sông Quế,
sông Tương, qua Đông - định - hồ theo
đường thủy sông Dương-Tử đến Bắc-Kinh.

Sứ! Tây-Sơn (1788-1802) thì có khi dùng đường bộ, (1788) có khi dùng đường thủy (1790) Qua cửa Nam-Quan đến Bằng-Tường sứ-bộ theo triền sông Minh, sông Tả, đoạn theo đường bộ qua các tỉnh Quảng-Tây, Hồ-Nam, Hồ-Bắc, Hà-Nam, Trực-Lệ đến Bắc-Kinh.

Đường thủy thì khác hẳn. Sứ-bộ cũng đến Mai-Lĩnh nhưng từ đó trở đi khi theo giọc sông Tương và sông Chương-Thủy thời lại theo dòng sông Dương-Tử đến Vũ Xương rồi theo đường Hà-Nam, Trực-Lệ đến Bắc-Kinh.

..

Đến sứ nhà Nguyễn thì thường dùng đường biển và ngoài đường biển ra, còn noi theo hành-trình của sứ-thần nhà Lê vào hồi năm canh-thân (1680) nhưng đáng lẽ theo dòng sông Dương-Tử và Vạn-Hà thì lúc tới Vũ-Xương sứ-bộ lại do đường bộ lên Bắc-Kinh.

Vì chánh-sứ nào cũng vậy, khi tới Bắc-Kinh đều dâng quốc-thư vào bộ Lê Nhân-dịp gian giữa bộ này đã kê sẵn một cái bàn to tròn-thiết trang-trọng. Nhân-viên phòng thông-ngôn (mặc lê-phục) chuyên việc hướng-dẫn viên chánh-sứ và sứ-doàn (lúc đó cũng mặc lê-phục theo phàm, trước ở nước Nam). Sứ-doàn tiến vào dinh thương-thư do cửa mé trái và đứng túc-trực tại bệ bên trái. Một viên tham-tri bộ Lê tiến đến phía trái bàn. Hai viên quan coi về việc nghi lê cũng đứng gần đấy. Nhân-viên phòng thông-ngôn tiến lên đứng về phía tây. Sửa soạn xong, quan chức Trung-hoa ra lệnh cho viên chánh-sứ tiến vào, quỳ ở «bệ» kính-cần dâng uỷ-nhiệm-trạng lên cao quá đầu. Nhân-viên phòng thông-ngôn đón lấy dâng quan lê-bộ thương-thư. Quan thương-thư trình-trọng đặt quốc-thư lên giữa bàn và quay về chỗ cũ. Viên chánh-sứ, cùng nhân-viên sứ-doàn lần lượt khấn 3 khấn, vái 9 vái rồi lui ra theo sự hướng-dẫn của phòng thông-ngôn. Bộ Lê thu lấy quốc-thư

đoàn-dé-lên Hội-dồng cơ-mật.

. . .

Khi có cuộc triều-kiến hoặc vào ngày lễ vạn-thọ, thì quan giám - đốc phòng thông - ngôn-hướng - dân viễn chánh-sứ Việt-Nam vào túc-trực trong đại-nội phía trước Nam-môn. Bách quan Trung-Hoa làm lễ triều-kiến rồi sú-thần Việt-Nam mới được phép vào bộ - kiến vua Trung-hoa và được dỗi - dãi như một vị quan nhỏ. Theo lời xướng của nội-tán sứ-doàn tiến đến ngai vàng, khấu 3 khấu, vái 9 vái. Lễ bái-khánh cử-hành xong-quan Lê bộ thượng-thư ra lệnh cho sứ-doàn lui ra đại-nội để « Hoàng đế » ban thưởng. Nhận đồ thưởng, rồi sú-bộ về sứ-quán. Hôm sau, ngay từ lúc sáng sớm, viên chánh-sứ Việt-Nam đã vào cung lạy tạ vua Tàu. Sứ tiễn vào phia ta diện, ngoảnh mặt về hướng bắc rồi theo lời xướng sẽ khấu 3 khấu, vái 9 vái theo như nghị-lễ đã định.

Sứ đoàn Việt-Nam rời Nam quan thi Bắc-triều đã phái đoàn Trường-tổng quan đi theo đê tiếp-dai và hộ-vệ. Rồi cứ đến địa-dầu một tỉnh nào quan-tỉnh trưởng tỉnh ấy lại phái đoàn-doàn tống quan bảo-vệ sứ-bộ hết địa-hạt mình. Lúc sứ-bộ trở về nước cách tiễn đưa cũng như vậy. Đi hoặc về qua một tỉnh ly nào sứ-doàn đều vào yết kiến quan-tỉnh trưởng đê trình quốc-thư, cống-phàm, và giấy thông-hành. Nếu trong giấy tờ không có điều gì man-trá hoặc ẩn-lại sứ-bộ sẽ tiếp-tục cuộc hành trình. Ở giặc đường hay ở Bắc-kinh vì chánh-sứ hay tùng-viên sứ-doàn muốn mua một thứ hàng-hóa gì đều bỏ tiền túi ra mua và chịu tiền dài-tài. Những viên bảo-tiêu sẽ do các quan-tỉnh trưởng chính-thức cử theo sứ-bộ để ngăn ngừa sứ-cướp bóc. Bắc-triều đã xuống chiếu cấm ngặt những quan-chức trọng-nhật ở những địa-hạt sứ-bộ đi qua không được nhận «quà» sứ-doàn tặng. Tùng-viên sứ-doàn không được phép buôn bán, mua sách sứ-ký, mua

IV

Hành-trình II

Đoạn trên, chúng tôi đã thuật sơ-lược hành-trình của sứ-bộ, muốn đặc-giả có một ý-niệm rõ-ràng hơn về « sứ-trình » chúng tôi xin tóm thuật dưới đây « chuyến đi sứ năm Ất-sửu 1765 (1) mà

(1) Tài-liệu sứu-tầm ở bài Relation d'une Ambassade Annamite en Chine au XVIII siècle của Trần-văn-Giáp (Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises de Saigon Tome XVI, No 3, 3 trimestre 1941.

quan chánh - sứ là Nguyễn-huy-Oánh (1).

Sứ-bộ này rời kinh-thành Thăng-Long ngày mồng chín tháng mạnh - xuân năm bính-dần (1766) đến Bắc - kinh ngày 20 tháng quý-dông cùng năm, đi mất 11 tháng 21 ngày và vượt qua 16.000 dặm gần một vạn cây số.

. . .

Ngay từ ngày 13 tháng quý-dông năm Cǎnh-Hưng thứ 25 (Giáp-tí 1764) Nguyễn huy - Oánh đã được nhà vua cử làm

(1) Nguyễn huy - Oánh hiệu là Thư - hiên người làng Trường-lưu tổng Lai-Thạch, huyện La-Sơn (bây giờ thuộc huyện Can - Lộc tỉnh Hà-Tĩnh) sinh năm quý-dậu 1713 đỗ Thám hoa năm 36 tuổi (mậu thìn 1748) đã từng giữ chức Công-bộ rồi Hộ-bộ Thượng thư triều Lê-Hiển-Tông (1740-1786) thọ 77 tuổi. Tiên-sinh là thân phụ Nguyễn huy Tự — tác-giả quyển Hoa-Tiên — và là thông-gia với tiến-sĩ Nguyễn-Khản — anh ruột nhà văn-hào Nguyễn-Dữ tác-giả cuốn Kim-Vân-Kiều.

chánh-sứ dem công - phàm công - hiến « Thiên - Triều » nhưng, đến năm sau, ắt - sứn 1765, vào hồi tháng Quý - xuân Nam-Triều mới chính-thức biên thư báo cho viên Tả - Giang - Quan ở biên - thùy biết là đến mùa thu sứ-bộ sẽ lên đường. Vì quan này tức thời đã thư lên « Hoàng Đế-Trung-Hoa ». Chờ đợi mấy tháng, ngày mồng một tháng quý-dông cùng năm (1765) viên Luõog-Quảng tòng - đốc chuyền sang Nam-Triều quốc - thư của Bắc-Triều. Thư đó định đến ngày 29 tháng mạnh xuân năm bính-dần (1766) cửa ải Nam-Quan sẽ mở để đón tiếp sứ-doàn.

..

Ngày mồng 8 tháng mạnh - xuân năm Cảnh-Hưng thứ 27 (1766 bính dần) nhà vua tiếp chánh-sứ Nguyễn - huy - Oanh trong điện đê dặn bảo công việc Sứ-bộ và nhân thề chúc sứ thượng lộ bình an.

Hôm sau (mồng 9) rầm quan trong Triều thết tiệc tùng-viên sứ - đoàn. Ngày hôm ấy khi tòa Khâm-Thiên giám chọn được

Trường-tổng - quan chuyên - chở về Bắc Kinh. Khi tới địa phận Trung-Quốc từ cửa ái Nam-Quan trờ đi, sứ-bộ đều được những đoàn trường - tổng - quan, đoàn tổng-quan đi theo hộ vệ và tiếp dãy; cực chu đáo như đã nói ở đoạn trên.

Cùng ngày hôm đó sứ-doàn lên đường đi Ninh-Minh đến dãy dùng thuyền rồi ngày mồng một tháng trọng-xuân tháng lên miền đông bắc, chín hôm sau đến phủ-ly Thái-Bin. Sứ bộ nghỉ ngơi yết kiẽn quan địa-phương rồi đáp thuyền theo dòng sông Minh di Tân - Ninh.

Ngày 16 tháng trọng xuân sứ-doàn đến Nam-Ninh một đô thị quan trọng ở miền nam Trung-Hoa. Dời nơi ấy, sứ-bộ theo Hữu-Giang tiếp-tục hành-trình và ngày mồng 3 tháng quý xuân đến Hoành-châu. Tại dãy chánh-sứ Nguyễn Huy-Oánh yêu cầu quan Tả Giang An biên quân - vụ chuyên những công văn, những thư từ riêng của sứ đoàn cho nhà chức - trách

nhờ gửi sang Nam-Triều. Sứ-bộ lưu tại Hoành-châu chiêm-yết văn-miếu thờ đức Khổng-Tử rồi ngày mồng sáu tháng Quý-Xuân biệt Hoành-Châu-châu dùng thuyền vượt qua 5 cái thác nguy-hiểm ở Trung-Quốc đến Tầm-Châu. Đó là một thành phố đẹp đẽ nhiều phong-cảnh kỳ-tú. Nền thương-mại cũng thịnh-vượng nên có cả một phân-cục của sở « Thương-Chánh ».

Bié特 Tầm-Châu các nhà ngoại-giao Việt-Nam theo dòng Tây-Giang qua Bình-Nam đến Thương-Ngô là sinh-quán quan cố-thúy sứ-Sĩ-Nhiếp. Tại đây, dâng lễ theo dòng sông Tây-Giang đến Triệu-Khánh phủ (1) như đường Sứ-bộ năm canh-thân (1680) đã di tản sứ-doàn lại quay về phía bên trái vào sông Quế.

(1) Theo hai nhà truyền-giáo Hieronymo de Burgos và Martin Ignace de Loyala đã đến thăm Triệu-Khánh phủ vào hồi cuối thế-kỷ thứ XVI thì thành-phố này rất đẹp. Trong thành có rất nhiều cảnh đồng cỏ xanh, những cây có quả, vườn ao thả cá và những nơi giải-trí. Thành-paô có tường giầy mà chắc chắn bao bọc chung-quanh. Phố xá đẹp có tiếng, rộng, dài và rất thẳng đứng ở

Triệu Vũ-Vương vì thế, đã đem binh đánh
quận Tràng sa và vết tích cuộc chiến
thắng ấy đến nay vẫn còn ghi lại.

Ngày mùng 10 tháng mảnh-thu từ giã
Tuyễn-châu sứ-bộ qua hồ Động-Đinh.
Mặt hồ rộng bao-la, phong cảnh kỳ tú.
Từ phía xa xa sứ-doàn đã thấy lầu Nhạc
Đương là một công-trình kiến-trúc kiệt
tác về đời Tống (960-1278). Phiến-du hồ
Động-Đinh mấy bờm để tận hưởng những
cảnh trí đẹp đẽ của trời, mây, trăng nước
ngày 26 tháng mảnh-thu thuyền trở sứ
bộ noi giòng Tương-Giang (chạy quanh
co suối miền đồi núi) đến Vũ-xương thủ
đô tỉnh Hồ-Bắc. Bên trong cửa Hán Dương
về phía tây nam thành phố có lầu Hoàng
hạc (1) là nơi danh-lam nổi tiếng vào
bậc nhất nước Tần.

(1) Tục truyền thủa xưa Phì-văn-Vi khi thành
tiên hay cưỡi hạc vàng, đến lầu Hoàng Hạc ngồi
ngơi cho nên những tao-nhàn, mặc khách, dǎng
lâm thường phát sinh ra những mối vô hạn cảm

Lưu tại Hoàng-hạc lâu thường ngoạn phong-cảnh và ngâm vịnh mây hõm, ngày mồng 4 tháng trọng-thu từ Hán Dương sứ đoàn, dùng thuyền lên mạn Dương-châu theo triền sông Dương-Tử qua 2 tỉnh Giang Tây, Giang-Nam. Phía bắc Hán-Dương là đô-thị Hán-Khẩu một nơi buôn bán sầm-uất của Trung-Quốc. Ở đây có những vết tích cung điện vua Vũ và đến Nam-Kinh sứ-đoàn cũng dừng lại chiêm-yết lăng-tomb vua Minh.

tinh phẫn thuộc lịch sử của cõi nhân, phần thuộc hành-vi trong thân thể. Nhất là những vị sứ-giả ngồi nhấp rượu trên lầu cao, nghỉ đến bang quốc gia - hương, thường không tránh được những giây điện vã bình cảm xúc đến ngòi bút. Vì thế nên Hoàng-hạc-lâu đã tạo cho thi-sĩ, văn nhân hiết bao nhiêu là thi từ nhưng đặc - sắc nhất là bài của Thôi-Hiệu đời Đường (618-970) :

Ngày 29 tháng mạnh-dòng sứ-đoàn sang
thuyền khác di suốt Vạn-Hà, đến Tế-Ninh
tỉnh Sơn-Đông. Tại đó, quan địa-phương
đón tiếp sứ-đoàn rất long-trọng và thu xếp
sẵn 22 cỗ xe, 10 con ngựa, 50 kỵ-lực (cu-
li) để Sứ-bộ dùng.

*Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ.
Thứ địa không dư Hoàng Hạc lâu.
Hoàng-hạc nhất khú bất phục phản,
Bạch vân thiên tai không du du.
Tình xuyên lịch lịch Hán-dương thụ
Phương thảo thê thê Anh-Vũ chau.
Nhật mờ hương quan hà xứ thihi.
Yên ba giang thương xứ nhân sầu.*

Bài này đã khiến ông « thánh thơ » Lý-Thái-Bach vô cùng thán-phục. Muốn để thơ ở lầu Hoàng-Hạc nhưng, phái thơ Thái-Hiếu, Lý-nhũn nhặt viết 2 câu « Trước mặt có cảnh không nói được vì thơ Thái-Hiếu ở trên đầu » Tân-Đà-Nguyễn-thái-Hiếu, đã dịch nôm bài thơ ấy :

Mồng 2 tháng quý-đông sứ - đoàn đến Khúc-Phu quê hương Khổng-Phu-Tử và không quên vào chiêm - yết miếu ông tổ đạo Nho. Sứ-đoàn qua 14 đoạn đường nữa đến Lư - câu - kiều xây từ đời Minh đầu thế kỷ XVII. Ngày 20 tháng quý đông sứ-bộ đến Bắc-Kinh. Cách kinh thành 30 dặm quan chức Trung-Hoa do Bắc Triều ủy ra đón tiếp đã sẵn sàng đợi sứ-bộ. Sau lễ tiếp-kiến sứ-đoàn được mời về sứ-quán ở cùng một nơi với sứ-thần Cao Ly lúc ấy cũng đem cống-phẩm sang Bắc-Triều.

*Hạc vàng ai cưỡi đi đâu,
Mà dây, Hoàng-Hạc riêng lầu còn tro !*
*Hạc vàng đi mất từ xưa,
Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay.*
*Hàn-Dương sông tạnh, cây bầy,
Bãi xa Anh-Vũ xanh dày cỏ non.*
*Quê hương khuất bóng hoàng hôn,
Trên sông, khói sóng cho buồn lòng ai.*

Dâng-quốc-thư, cống-phẩm và dự-vào-lễ
triều-kiến, là nhiệm-vụ sứ-bộ thực-hành
xong. Chánh-Sứ Nguyễn-huy-Oánh và các
tùng-viên sau khi nhận đồ-tặng-hảo của
Bắc-Triều sẽ sửa-soạn ngày-về-nước. Chừng
đó-ngót-một-năm thì về-dến-Thăng-Long
(Hà-nội)

VII

Đường sang Việt-Nam. Công quán.

Đến đây chúng ta hãy xét qua hành trình sứ Trung-Quốc sang nước Việt-Nam. Thường thường sứ Tầu hay qua cửa Nam Quan rồi theo đường Lạng-Sơn đến kinh-đô Thăng - Long (Hà - nội) nhưng, chính ra Trung-Quốc có thể giao-thông với nước Việt-Nam bằng ba đường : Vân-Nam, Quảng-Đông, Quảng-Tây. Đời Hậu-Hán (25-220) tướng Mã-Viện dùng đầu-tiên đường thủy từ Quảng-Đông sang Giao-Chỉ đánh Trung - Chắc, Trung-Nhi. Đời

Tống (960-1628) dùng đường bộ Quảng-Tây và đời Nguyên (1280-1341) đời Minh (1368-1628) đường Văn-Nam.

Từ Quảng - Tây sang nước Nam có ba đường :

1) Khởi-hành từ Bằng-Tường châu, sứ đoàn hoặc rẽ xuống phía Nam đi giòng giã một ngày đến thị-trấn Pba-Lüy (thuộc châu Văn-Uyên) hoặc rẽ về phía bắc qua Thoát-Lăng đến Lạng-Sơn phủ. Tại đó sứ-doàn ngược về miền bắc Ôn-châu đến Quỷ-môn-quan rồi Tân-Lệ-Thôn (nam Ôn châu) qua Nhị-thập Giang đến huyện Bảo-Lộc; Từ Bảo-Lộc sứ đoàn đi Thọ xương (nửa ngày) rồi Nam-diều kiều thuộc huyện An Việt (một ngày). Đến đây sứ đoàn uốn dài-lộ về Thăng Long.

2) Theo đường thứ hai sứ-doàn từ phủ Tư Minh qua núi Ma Thiên Linh đến châu Tư-Lăng. Rời Tư Lăng qua Biên Cương ải đến Lộc Bình 1 ngày và đi về phía Lạng Sơn, Sứ đoàn

qua sông Thiên-Lý đến An-Bắc châu (1 ngày rưỡi), núi Hao quân động (1 ngày rưỡi). Từ Hao quân động sứ-doàn đi Phong Nhãn (1 ngày). Tại đây có 2 đường, đường thứ nhất đi Bảo Lộc, qua sông Thọ-xương (sông Thương); đường thứ nhì tới Lạng-sơn phủ rồi tới Nam-diều-Kiều huyện An-Việt.

3) Theo đường thứ hai từ Long-Châu sứ-doàn đi Bình Nhị ái, từ Bình Nhị đi một ngày đến Thất Tuyễn rồi đến Bình già (2 ngày) thuộc huyện Văn-Lan. Ở đây có hai đường khác nhanh. Đường thứ nhất từ Văn-Lan qua miền núi phía Bắc Hữu-Lũng đến Quỷ môn Quan. Qua 40 dặm đường băng phẳng sứ-doàn vượt sông Thọ-xương (miền nam Hữu Lũng) rồi men bờ phía nam sông ấy đến huyện An-Dũng (1 ngày) Từ An-Dũng trở đi đường lại băng phẳng; sứ-doàn qua An Động đến Nam-diều kiều. Theo đường thứ nhì từ Văn-Lan sứ-doàn đến Bình Nhị ái qua châu Vũ-ngạn (đường núi) đi hai ngày đến huyện Tư-Nông. Biệt nơi này sứ-doàn đi một ngày rưỡi nữa đến

Bắc-diều kiều huyện An-Việt. Từ An-Việt sứ-bộ đến phủ Từ Sơn (1 ngày) qua Đông-Ngạn, Giả-Lâm, sông Nhị-hà vào kinh-đô Thăng-Long (Hà nội).

..

Từ Vân-Nam sang nước ta có hai đường :

1) Rời Mông-Tự và Liên-Hoa (?) sứ đoàn qua Thạch-long quan xuồng Trinh-lan động, lênh đênh 4 ngày trên sông Đào (?) đến Thủ-vỹ đi 8 ngày nữa đến châu Văn-bàn. Từ đây sứ đoàn thẳng đường đi Trần-An, Hạ-hòa (năm ngày), Thanh-ba huyện, từ Thanh-ba sứ đoàn đi Lâm-Thao xuống Sơn-vi huyện tới Hưng-hóa. Từ Hưng-hóa sứ bộ tới Bạch-hạc rồi noi giòng sông Hồng-hà về kinh-đô.

2) Theo đường thứ hai rời Hà-Dương sứ bộ noi triền sông Thao (?) đến Bình-nghuyên đi Phù-An (5 ngày, từ Phù-an đến Tuyên-giang phủ hay Tuyên-hóa đến Đoan-hùng (2 ngày); Từ Đoan-hùng đến Tam-ký-giang (Bạch-hạc) 5 ngày.

Đi đường thủy từ Quảng-Đông sang Annam, thì sứ-doàn rời Bạch-long 'vỹ' thuộc huyện Vĩnh-An qua Ngõ sơn mòn Miếu sơn, Hải-dông phủ đến châu Vạn Ninh rồi Kinh Thục xã địa giới nước Việt Nam. Sứ-doàn có thể noi bến cửa biển : Bạch Đằng, An-Dương, Đà Sơn, Tô-nger theo dòng sông Thái-bình hoặc Nhì-Hà lên kinh-delta Thăng long.

Vào cửa Bạch đằng, sứ-doàn dùng thuyền qua hai huyện Thủy đường, Đông Triều phủ Hải-Dương hoặc huyện Chí Linh theo giòng sông Hoàng-Kinh hay bắc Bình-thàn.

Tại An Dương, trước hết sứ-doàn đến huyện An Dương, qua phủ Kinh mòn theo triền sông Hoàng kinh đi về phía Nam Sách và Thương Hồng.

Từ cửa biển Đà-Sơn sứ-doàn đến Cồ-Trai qua Nghi-Dương đi về phía bắc An-Lão đến huyện Bình-Hà rồi sang Nam sách và Thương Hồng.

Từ Tô-Ngư, Thái-bình sứ-doàn qua

An-Lão thuộc phủ Kiến Thoại (Hải Dương) đến Tâu-Minh, Từ kỳ, theo triền sông Hồng vào Hàm Tử do đường bộ lên Thăng-Long.

Nếu các Tuế-công-Sú Việt-Nam sang Trung-quốc từ cửa ải Nam-Quan đến Bắc-Kinh đều được những đoàn Trưởng Tống Quan, Đoàn Tống quan theo hộ-vệ và tiếp-dai từ tể thì các quan khâm mặng Tầu sang nước Việt-Nam cũng được Nam-Triều tiễn tống long trọng như thế và hơn thế.

Ngay từ đời Lý Thái-Tông (1028-1054) vào khoảng năm tân-tị (1041) nhà vua đã sai định-thần xây cồng-quán ở làng Cự Linh thuộc phủ Gia-Lâm tỉnh Bắc-Ninh xứ Bắc-kỳ, gọi là Trạm hay Định Hoài Viễn để quý-khách phuơng xa nghỉ-ngơi trước khi vào kinh đô Thăng Long bệ-kiến. Cùng năm ấy nhà vua còn

sai lập 7 trạm là : Tuyên Hóa, Vĩnh-Thông
Thanh Bình, Quy Đức, Bảo Vinh, Cảnh Hóa
An dân đều thuộc địa hạt trấn Thái-Nguyên
đè đón tiếp sứ Tàu.

..

Quan khâm-mạng Tàu đến Nam-Quan
đã có các hậu-mệnh-sứ Nam-Triều cử ra
nghênh-tiếp và khoản dãi. Rồi, suốt giặc
đường sứ-hàng đi qua từ Nam Quan đến
kinh-đô Thăng-Long ở địa-dầu những
phủ, huyện tòng làng v. v. chỗ nào cũng
có quan-chức địa-phương nghênh tiếp;
những bức hoành viết chữ «Cung Nghênh»
rải rác khắp mọi nơi. Sứ bộ qua các tỉnh
lý thì các quan tỉnh-trưởng đều thiết
tiệc rất long trọng. Từ Nam Quan đến
Thăng Long, Nam Triệu lập 8 công-quán :
Đồng-dặng, Lượng-mai, Lượng-Nhân, Bắc
Hòa, Bắc-cần, Bắc-mỹ, Bắc-Kiêm, Gia-
Thuy và những quán dịch : Pha-Lũy,
Mai-Phản, Nhân-lý, Chi-Lăng, Lữ-khối,
Thị-kiều, Thọ-Xương, Câu-doanh Tiên-Lệ
v. v. để sứ-doàn nghỉ đêm hay dừng lại
nghỉ-ngơi trong chốc-lát.

Công-quán Đồng-Dặng là một khu nhà

hình vuông hai bên phải trái có 4 tòa nhà
mỗi nhà 5 gian 2 mái lợp ngói. Bầy công
quán khác thì ở phía trước có một tòa
nhà chính là nơi viên chánh-sứ nghỉ
ngơi. Nhà đó 5 gian, 2 chái, phía nam
có một tòa nhà nữa gồm 7 gian, 2 chái
tất cả họp lại thành 1 khu. Thêm vào
đó còn 1 khu nhà phu 18 gian, 1 nếp
nhà bếp 5 gian 2 chái. Hai tòa nhà nữa
mỗi tòa 5 gian 2 trái là nơi các hương-
đạo úy viên trú ngụ. Những nhà này cũng
hợp thành 1 khu có thêm một chuồng
ngựa, 1 nhà bếp 2 gian, 2 chái và 1 tòa
nhà sáu gian để tùng-viên sứ đoàn như
linh-tráng và phu khiêng kiệu ở. Một khu
nhà khác-nơi các hậu-mạng sứ ở cũng
cất lên gần đấy. Khu này có hai tòa
nhà, một tòa 1 gian 2 chái, một tòa 3
gian 2 chái và 1 ngôi nhà phò 6 gian. Tất
cả những nhà trong khu công-quán đều
trang-hoàng đẹp-dẽ cờ cắm la-liệt khắp
nơi. Những cầu dối khám, những bức
hoành phi cheo rái-rác tại nơi quan
khâm-mạng nghỉ-ngơi.

Tại mỗi quán-dịch đều có một khu nhà hình vuông trang hoàng lịch-sự để quan khâm-mạng dừng chân nghỉ. Ngoài ra còn một khu khác 5 gian, 2 chái là nơi để sắc phong và cũng là nơi các hậu-mạng-sử tiếp đón sứ-doàn Gian giữa đê hương án. Một tòa nhà nữa 5 gian 2 chái dành riêng cho những túng-viên.

Công-quán Lạng-sơn (1) có 4 quán mỗi quán chia làm 2 khu cộng 12 tòa nhà liền nhau, mỗi tòa nhà 5 gian 2 chái. Công-quán Kinh-Bắc cũng có 4 quán mỗi quán 4 gian nhà cỏ, lợp danlì, công-quán Thọ-Xương, Thọ-kiều có 2 gian nhà gỗ.

..

Đồ-đạc trong 4 trạm Pha-Luỹ, Mai-Pha Nhân-Lý, Chi Lăng thường gồm có :

(1) Theo « Lịch Triều Hiếu-chương loại-chí » (mục Bang giao chí) của Phan huý Chú sách viết của thư-viện trường Viễn-Đông Bắc - cõi Sô. A 50 trang 179 (khoản tiếp chí nghỉ).

12 cái giường, 4 cái ghế ngồi, 4 cái bàn
nhỏ, 40 cái chổi bằng tre, 20 cái mâm
to, 20 khay chè, 40 cái nồi to, 40 cái nồi
nhỏ, 200 bát to, 200 bát nhỏ, 200 thia,
200 chén uống nước chè, 200 chén uống
rượu, 40 cốc cibiển, 16 cái chậu, 40 cái
đĩa đèn, 40 cái chén đựng dầu thắp đèn
20 cân lazaar, 400 đài dưa ; còn nước, dầu
đèn v. v. bao giờ quan-chức địa-phương
cũng cung cấp đầy-dủ.

. . .

Tại những trấn Lữ-khối, Thị-Kiều, Thọ
xương, Cần-doanh, Tiên-Lệ đỗ đạc cũng
đại khái như trên nhưng đỗ dùng của
những viên chánh phó sứ thì sang trọng
hơn.

Từ Nam-Quan đến Gia-Thụy có tất cả
gần 30 trạm và công-quán còn từ Hà-hội
vào Huế thì sứ Täu lăn-lượi qua 36 quán
dịch : Hà Trung, Hà mai, Hà-hội, Hà
Khoái, (thuộc địa phận Hà-nội) Hà kiều,
Hà Phú (trước thuộc Hà-nội nay thuộc
Hà-nam), Ninh-Đa, Ninh-Du, Thanh-hoa,
Thanh-Sơn, Thanh-Thái, Thanh-xá.
Thanh-khoa (nay là Thanh-bá), An

Quỳnh, An-luỹ, An-hương, An-kim, An-Quyết (Nghệ-An), Tĩnh-Liêu, Tĩnh-Đan, Tĩnh-Khê, Tĩnh-Lạc, Tĩnh-xá, Tĩnh-Thần (Hà-tĩnh), Quảng-An, Quảng-Khê, Quảng-Cao, Quảng-Ninh, Quảng-xá, Quảng-lộc (Quảng-Bình), Trí-lập, Trí-lạc, Trí-xá (Quảng-Trí) Thừa-mỹ, Thừa-An (Thừa-Thiên).

VIII

Nghi-lễ tiếp rước sứ Tầu và lễ tuyên-phong

Trong cuộc bang-giao, lễ tuyên-phong quan-hệ nhât. Vì có nhansen sắc phong thì một « Tiêu Quốc » mới chính-thức thàn-phục một « Đại bang ». Cho nên, lễ tuyên-phong bắt cứ ở triều-dai nào cũng cử-hành rất long-trọng.

Bắc-Triều phái một viên chánh-sứ và một viên phó sứ sang Annam. Sứ bộ gần tới miền biên-thùy thì Annam quốc-ý thương đã sai các quan-chúc cao-cấp

sung chúa Hậu-mạng Sứ đến đó nghênh-tiếp. Hậu-mạng-Sứ khấn 3 khấn, lạy 9 lạy trước Long-Đinh đựng sắc tuyênl-phong rồi yết chánh phó-sứ Trung hoa 1 khấn ba lạy (1).

Sứ-doàn đến kinh-kỳ thì Long-Đinh và đồ tặng-hảo của Bắc-triều ban cho Nam-Triều điều dè trong Sứ-Quán — nơi nhà vua dành riêng cho sứ đoàn. Đến ngày làm lễ tuyênl-phong Annam quốc-vương, Thái-Tử và trăm quan đều đến sứ quán. Khi quốc-vương Annam về cung thì Long-Đinh, sắc phong cùng đồ tặng-hảo điều dè lên xe. chẽ theo một kiệu riêng dè vào hoàng-cung. Bình linh mặc chẽ-phục riêng cùng những pluồng bát-âm theo sau sứ-doàn. Hai vị chánh, phó sứ tiến vào cửa chính trong điện, đến trước 1 bàn to (phủ vóc vàng) 2 bên kê sẵn 2 bàn nhỏ (cũng phủ vóc vàng) thì đứng lại.

(1) Theo cuốn *Histoire des Relations de la Chine avec l'Annam du XVI au XIX siècle* (G Devéria, trang 55-76)

Chính ở trên 3 bàn đó chánh - sứ Tàu trân trọng đặt sắc tuyên phong và các đồ tặng hào Bắc-Triều ban cho Nam Triều. Annam quốc vương cùng báu quan nhất loạt quỳ xuống. Sứ Tàu mở sắc tuyên đọc. Đọc xong nhà vua khấn 3 khấn, vái 9 vái, nhận sắc phong. Lễ tất.

Nếu chẳng may Annam quốc vương thăng hà thì quan khâm mảng trước khi làm lễ tâu phong lân-quân phải cử hành lễ « điểu » và phân ưu cùng hoàng-gia tại Thái-miếu. Bài vị đức tiên-dê sẽ đặt ở phía đông thái-miếu quay mặt về phía tây. Điểu-văn dè tại chính giữa thái-miếu, 2 vị chánh, phó-sứ đứng hai bên. Những đồ phúng viếng bằng bạc hay bằng lúa của Bắc-triều đều dè trên 1 cái bàn trước bài vị tiên-dê. Thái-tử và trấn quan tiến vào khấn 3 khấn, lạy 2 lạy rồi đứng túc-trục tại phía bên trái Thái-miếu. Tất cả kính cẩn quỳ xuống lúc Bắc-sứ đọc điểu.

văn. Đọc xong, điếu-văn sẽ đem ra đốt ở một nơi định trước. Thái-tử và trăm quan lại khẩu 3 khẩu. Lạy 9 lạy rồi tiễn quan Khâm-mạng về sứ-quán. Hôm sau, lễ tân phong cử hành. Thực hành xong sứ-vụ quan Khâm-mạng lưu tại công quán mấy hôm rồi lên đường về nước.

Cố Giovanni Filippo de Marini (1) sang truyền giáo ở nước ta về thế-kỷ thứ XVII đã mục-kích một cuộc tiếp rước sứ Tầu về đời Hậu Lê. Cố thuật cuộc tiếp rước ấy như sau này :

(1) Theo sách Relation du Royaume du Tonquin của Marini (trang 117, 118) Cố Giovanni Filippo de Marini sinh tại Taggia xứ Ligurie (Ý) năm 1608 mất tại Hạ-môn ngày 11 juillet 1682. Nhập vào giòng tên năm 1625, cố sang Đông-Dương năm 1658 và ở Bắc-Kỳ 14 năm, có lẽ bắt đầu từ năm 1647 Cố về Âu-Châu một chuyến nhưng lại sang Viễn-đông và được cử làm giám-mục Trung-Qubc.

« Khi đức vua tiếp sứ Tàu thì tất cả các quan lại-thần điềo đi tùy giá. Bên văn ban cũng như võ ban ai nấy deo dấn hiệu của bộ mình và có rất đông thuộc hạ mang chẽ phục riêng. Thêm vào đó còn rất nhiều các quan khác vừa văn, vừa võ, mặc sắc-phục đẹp đẽ, trong số này có nhiều ông chưa được bồ vào phung - sự đức vua nhưng cũng đến túc trực, khoe khoang được chú ý hơn những dịch thủ của mình để hòng tiện thân và thành tựu Long-gia, vì thế đã tăng hẳn về lộng-lẫy, uy-nghiêm.

Chẽ phục của bọn tiều-dồng – nhất là của binh lính – bộ binh và kỵ-binh hợp thành 1' cảnh sắc huy-hoàng fit bậc quõe-võng có được. Đội nào cũng có binh phục riêng, áo mầu khác nhau. Binh-khi là những giáo trường, trường thương tên, súng hỏa mai, yến-nguyệt dao,..đoàn thương hay siêu dao sáng loáng, dát bạc, dát vàng hay nạm ngà. Thủ-quân cũng được lệnh đem 1 đoàn chiên-thuyền đón sứ

và giàn thành thê trận trên sông để sứ Trung Quốc giải-trí. Sự tiếp-rước linh đình và sán-lạn. Trong cuộc tiếp-kiến đầu tiên vua Lê và chúa Trịnh (1) mặc triều phục đi hia mũi nhọn vênh lên như mũi những chiếc thuyền nhỏ và đội một thứ mũ trống rất kỳ-khô! Vua và Chúa quỳ lê bốn lề vái 1 vái dài nhện sắc-thư của « Thiên-Tử » Trung-hoa do sứ-thần mang đến giao cho.

Đi đâu sứ-thần cũng ở bên phải vua và thay mặt « Hoàng-Đế » nên được các định-thần bái-mạng. Lẽ nghênh-tiếp xong thì sứ-thần được thù-tiếp như người thường nhưng ông là người ngoại quốc nên bao giờ cũng được tôn-trọng như một đường-quan.

Chiến-thuyền sắp thành hàng 5 chiếc một, hàng nọ cách hàng kia đều nhau thuyền sau nối thuyền trước thành nhiều giây dài để nghênh-tiếp Bắc-Sứ. Hai

(1) Lê Thần-Tông (1629-1643 lần thứ nhất)
1649-1662 lần thứ nhì.

Thành đế-vương Trịnh Tráng (1623-1657).

bên bờ sông, suốt một quãng dài mẩy
dặm, có dựng nhiều cột trên cùm cờ
mầu sắc khác nhau gió bay phấp phới.

Bộ binh đóng khắp mọi nơi, chỗ này
đóng trống chỗ kia đánh thanh-la. Có
chỗ thổi sáo, thổi kèn. Lúc Sú-thần sắp tới
nơi quân lính hoan-hô vang trời lại bắn
một loạt súng hỏa-mai hay thần-công đè
chào. Sú-thần & dưới thuyền lên bộ thì
bọn thuyền-thủ Túc thời bỏ mái chèo
tay cầm súng hỏa-mai tỏ dấu vui mừng
và hoan-hỉ ».

. . .

Cách tiếp-rước quan Khâm-mạng Trung
hoa đại-dè ở triều-đại nào cũng long-
trọng như trên nhưng nghi lễ thụ phong
thì có thay đổi chút ít. Chúng tôi rất tiếc
không đủ tài-liệu về hai triều Lý (1010-
1225) Trần (1225-1400) nên không sao nói
được rõ rệt lễ thụ-phong vào bài ấy.
Chúng tôi xin lược tả dưới đây lễ tấn
phong về đời Minh-Mệnh, Tự-Đức.

, , ,

Năm Minh-mệnh thứ hai (1821) được tin vua Tàu phái Phan-Cung Thị án-sát-sứ Quảng-tây sang tuyển phong hời tháng chín năm Tân Tị (October 1821) Nam-Triều cử hành Bang-giao lễ. Ngày mồng 6 tháng 9 làm lễ tế cáo ở Thái-miếu, ngày mồng 7 (2 octobre 1821) lễ ở điện Hoàng-Nhân (bây giờ là điện Phụng Tiên) ngày mùng 8 (3 octobre 1821), làm lễ chúc thọ tại điện Tự-thọ. (1)

Ngày 12 tháng chín vua Minh-Mệnh cử một vị tôn-thất hợp với các quan : Khâm sai chưởng hưu quan-quận-công Nguyễn Văn Nhàn, Hữu dinh phó đô thống chế Tôn Thất Bình, binh bộ thượng thư Lê Bá Phàm tạm quyền nàiếp việc triều-chính Kế đó, ngày 15 tháng 9 (10 Octobre 1821) chọn được giờ Hoàng-Đạo Hằng Thượng cùng 1782 quan văn-võ và 5760 lính

(1) Tài-liệu sưu tầm ở bài : Minh Mạng và recevoir l'investiture à Ha-nội của quan lể bộ thượng-thư Huỳnh.. (Bulletin des amis du vieux Hué N° IV 1917, p. 89.

thị-vệ ngự ra Bắc - Thành đợi Bắc sứ
đến tuyên phong.

Biệt kiinh-dâ Huế, đao-ngự lần-lượt đến
Tân cảng (Quảng-Trị) ngày bính-dần
(14 Octobre) đến hành-cung Quàng-Bình
ngày canh- ngọ (18 octobre) qua sông
Linh, ngày tâu-vị (19 octobre) qua Hoành
Sơn địa-dầu 2 tỉnh Quàng-Bình, Hà tĩnh
Ngày nhâm-thân (20 octobre) đao ngự
dừng lại Suối Sa (Nghệ An), ngày giáp
tuất (22 octobre) đến Nghệ an, ngày nhâm
 ngọ (30 octobre) đến Thanh hóa.. Hoàng
Thượng và các quan tùy tòng lưu tại đó ít
lâu, ngày mậu-ti (5 novembre) Ngài chiêm
yết Nguyễn Miểu bài yết Triệu-Tường và
lăng Trường-Đognjieu (lăng đức Triệu-Tô
Nguyễn Kim) Ngày canh-dần (7. novembre)
đao-ngự tới hành-cung Thanh-Bình
ngày ất-vi (12 novembre) đến Bắc-Thành
(Hà-nội).

Hoàng-Thượng ngự tại Hành-cung. Vào
hồi tháng chạp năm tân-ti (janvier 1822)
được tin sứ-doàn Trung-Hoa sắp tới Nam

Quan nhà vua cử các quan: Thành-hóá phó đốc-trấn Phan văn Tuy, Lại bộ hữu tham tri Nguyễn văn Hưng, Tham bồi lẽ bộ Đinh-Phiên lĩnh chức Quan thượng hậu mang sứ khởi hành tự Bắc Thành đón Chánh sứ Phan cung Thị tại Nam-Quan.

Nhà vua lại phong: thần-sách phó đô-đốc Nguyễn văn Trí, hình bộ tham-tri Võ thanh Thông, và Thự tham-tri Nguyễn hữu Nghi sung chức Kinh-bắc nhai-thủ Hậu-tiếp sứ.

Sau hết, thị-nội-thống-chẽ Võ viết-Bửu, hộ bộ hữu tham-tri Nguyễn công Thiệp, lĩnh chức Gia Quật Công-Quán Hậu tiếp sứ đón tiếp sứ Trung Hoa tại công quán Gia Quật. Được Hoàng-Thượng ban cho kiêm-ấn và dấu bằng ngà khắc chữ « Hậu mang » và « Hậu Tiếp » các quan kè trên ai nấy tuân mệnh làm phận-sự.

..

Qua cửa Nam-Quan, khâm-mạng Phan cung Thị định cử-hành lễ tuyên-phong vào

ngày 20 tháng chạp năm Tân-Tị (12 Janvier 1822) nhưng hậu mạng sứ Phan Văn Tuy yêu cầu cử lễ đó sớm hơn hai ngày tức là vào ngày 18 tháng chạp (10 Janvier 1822). Phan ưng thuận.

Ngày giáp ngọ (10 Janvier 1822) đỗ lỗ bộ bầy từ điện Kinh-Thiên đến Chu-Tước môn. Từ cửa Chu-Tước đến bến đò Nhĩ Hà chỗ nào cũng có linh và voi giàn ở hai bên đường.

Thị trung tả thống-chẽ Tôn Thất Địch mặc phầm-phục cùng Sơn-Nam trấn-thủ Nguyễn Văn-Hiếu, Bình bộ tham-tri Trần Minh Nghĩa, hộ bộ Tham-tri Đoàn Viết Nguyễn đến lâu « Cung Nghênh » vừa thiết lập ở bờ Nhĩ-Hà để tiếp Sứ.

Hoàng-Thượng đội mũ cửu long, mặc áo vóc đỏ, thắt ngọc-dái, ngự tại Chu-Tước môn hợp cùng các vị hoàng-thần và các Triều-thần chờ đón sứ Tầu. Bắc-Thành tông-trấn Lê-Chất và hiệp biện học-sĩ Trịnh Hoài-Đức (Có sách chép là Trịnh Hoài-Đức)

sung chức Thị-Vệ đại-thần.

Gian giữa điện Kinh-Thiên đã sửa soạn sẵn nơi đặt Long-Đinh, Hương-Án. Hoàng-Tượng ngự đều làm lễ tạ án ở phía nam; chô Ngài túc-trục thi ở phía tây. Một viên Tham tri bộ Lễ túc-trục bên tà điện, 1 vị thương quan được cử ra thâu nhận sắc phong và 2 nội-tán sẵn sàng chờ đợi ở bên hữu điện. Linh thị-vệ chỉnh-tề xếp hàng ở ngoài sân.

..

Bổn Ông Tôn Thất-Địch, Nguyễn Văn Hiếu, Trần minh Nghĩa, Đoàn việt-Nguyên mặc phẩm-phục cùng những chức sắc, binh-linh đến bến đò phía nam sông Nhĩ-Hà.

Ngày 18 tháng chạp năm Tân-Tị (10 janvier 1822) ngay từ sáng sớm một vị tôn-tước nhất phẩm đã thống-lĩnh ngự-lâm-quân và phuơng bá!-âm (hết thảy đều mặc triều-phục) đem quốe-thư đến cống quán dâ vào Long-Đinh. Binh-linh, cơ nào đội ấy xếp hàng ngũ rất chỉnh-tề. Các quan Hậu-mạng-sứ tiến đến phía trước Long-Đinh kính cẩn hành-lễ theo nghi-lễ

đã định. Sau đó là cuộc tiếp kiến quan Khâm-mạng Trung Hòa rồi trống rong, cờ mở, sứ đoàn lên đường. Qua sông Nhĩ Hà và tiến về bến đò phía nam, Long-Đinh sẽ đệ vào quán dịch vừa dựng ở bờ sông. Phan cung Thị thay y phục nghỉ ngoài dùng chè. Kế đó, bốn quan hậu tiếp vào công quán kính cần chào Thanh Sứ rồi hành lễ tại phía trước Long-Đinh.

Sứ đoàn lại lên đường. Thân thà^q Tôn thất Địch và 3 hậu tiếp sứ Nguyễn Văn Hiếu, Trần minh Nghĩa, Đoàn viết Nguyên lên ngựa hương dẫn sứ đoàn ; theo sau là binh lính, phu^ong bát-ám, hương án, long đinh kiệu, quan khâm mạng. Các tùng viên sứ đoàn thì hoặc đi cảng hoặc cưỡi ngựa theo sau. Đến phía đông nam cửa Đại Hưng các Hậu mặng sứ cùng tùng viên xuống ngựa đi bộ giãn sứ đoàn đến cửa Chu Tước. Tới đó Phan cung Thị và viên thông ngôn xuống kiệu.

..

Đúng giờ ngọ, Thanh-Sứ theo Long-Đinh vào cửa Chu-Tước, Hoàng-Thượng và định

thần chờ đón ở phía hữu. Long-Đinh tiến vào; Hoàng Thượng và trẫm quan quỳ xuống khi Long-Đinh đi khỏi mòi đứng dậy. Long-Đinh tiến lên điện Kính Thiên; Hoàng Thượng và Thành Sứ theo sau tới giữa điện thì dừng lại. Trẫm quan túc trực sẵn tại đó. Một quan nghi-lễ tiến lên mòi quan khâm-mạng về chỗ.

Lúc ấy nội-tán xướng to để Hoàng thượng lâm vị; các quan văn, võ xếp hàng theo phẩm-trật ngồi sẵn.

Theo lời nội-thi xướng, Hoàng thượng cùng trẫm quan quỳ ở phía trước Long-Đinh. Hai vị quan trong sứ-doàn mở sắc phong ra. Một vị khác do Thành sứ cử ra từ trước, đến lấy tuyên đọc, rồi chuyển cho Thành sứ dâng Hoàng Thượng. Hoàng Thượng cúi đầu nhận sắc và chao cho hai vị hoàng-thàn. Hai vị này kính cẩn quỳ đón lấy. Hoàng-thượng lê ta.

Lê tất, Hoàng thượng chào quan khâm-mạng rồi một vị quan coi việc nghi lễ mòi quan Khâm-mạng sang điện Cần Chánh. Hoàng thượng ngồi ở phía tây, Thành sứ ở phía đông đứng chờ. Kế đó

nhà vua cùng trăm quan tiễn Thanh sứ
đến cửa Chu-Tước. Ở đây các hậu mạng
sứ chờ đợi sẵn để hướng dẫn sứ đoàn
về công quan.

. . .

Từ hôm ấy trở đi, mỗi ngày hai lần
buổi sáng và buổi chiều ngày nào Nam
triều cũng thiết tiệc sứ-doàn. Mỗi lần sứ
doàn dự tiệc xong đều được vua ta tặng:

12 thoi bạc mỗi thoi nặng chừng 339
gam 670, 4 thanh quế hảo hạng ; 20 tấm
vải hoàng bố, 20 tấm vải chúc báu. Thêm
vào đó còn : 2 cặp sừng tê-giác, 1 cặp
ngà voi, 1 bộ đồ chè bằng vàng:

Lúc sứ đoàn sắp qua cửa Nam Quan
về nước các hậu mặng sứ còn phụng-
mệnh Nam-Triều tặng viেu chánh-sứ :

5 thanh quế hảo hạng, 10 tấm vải
hoàng bố, 10 tấm vải chúc báu, 4 cái quạt
đôi mỗi, 1 cái tấm bằng lồng đuôi voi
dát vàng, 1 cái tấm bằng lồng đuôi voi
dát bạc, 2 cái quạt bằng ngà.

Các vị ấy lại tặng viên bi thư của quan

Khâm-mạng cùng 2 vị quan coi việc nghi lê :

3 thoi bạc mỗi thoi nặng chừng 33 gam 670, 1 thanh quế hảo hạng.

Tặng 7 viên văn, vỗ xung vào việc hộ-vệ:

5 thoi bạc mỗi thoi nặng 33g gam 670, 20 tấm vải hoàng bố, 10 tấm chúc bâu ;

Tặng 2 viên thông ngôn :

Ba thoi bạc mỗi thoi nặng 339 gam 670, 10 tấm vải hoàng bố, 10 tấm vải xuân-cầu.

Tặng 2 người thư lại :

10 thoi bạc mỗi thoi nặng 33 gam 967. 5 tấm vải hoàng bố, 10 tấm vải xuân-cầu ;

42 tên khiêng kiệu chính cũng được thưởng : 5 thoi bạc mỗi thoi 33 gam 697, 5 tấm vải chúc bâu ;

29 tên khiêng kiệu phụ : 3 thoi bạc mỗi thoi 33 gam 967, 3 tấm vải chúc bâu.

Sau hết, 23 người lính tùy tùng sứ đoàn cũng được thưởng mỗi người 5 thoi bạc mỗi thoi 33 gam 697 và 3 tấm vải chúc bâu.

..

Lúc Sứ Đoàn đến Bắc Thành Hà-nội và khi sứ-doàn rời Bắc Thành về nước, Nam Triều đều thiết đại tiệc. Bữa thịnh soạn ấy gồm: 1 bàn có 50 đĩa đồ ăn thượng hạng, 7 bàn mỗi bàn có 40 đĩa đồ ăn trung hạng và 25 bàn mỗi bàn 30 đĩa đồ ăn hạ hạng.

Tiệc ở bàn thượng hạng thường có những món ăn này :

2 bát yến, một bát vây, 1 bát long-tu, 1 bát hải sâm, 1 bát cá mực, 1 bát gà quay, 1 bát gà giò trần, 1 bát vịt hầm 1 bát tôm he, 1 bát thịt dê, 1 bát lòng lợn, 1 bát cua, 1 bát chân giò nhồi thịt 1 bát thịt gà mái quay, 1 bát cá sào bột 1 bát chim bồ câu, 1 bát thịt lợn luộc, 1 bát thịt lợn quay, 1 bát nhung (?), 1 bát thịt kho tàu, 1 bát thịt ba chỉ thái nhé 1 bát chân giò ninh, 1 bát vịt quay, 1 bát vịt luộc, 1 đĩa bánh nhân vừng, 1 đĩa bánh rán, 1 đĩa bánh cao, 1 đĩa bánh ngọt nhuộm phàm ngũ sắc, 1 đĩa bánh ngọt không nhuộm phàm, 1 đĩa bánh

trứng gà; 1 đĩa bánh bột sắn, 1 đĩa bánh bột sắn trắng, 1 đĩa bánh phu-thê, 1 đĩa xôi nhuộm xanh, 1 đĩa xôi nhuộm đỏ 1 đĩa quýt, 1 đĩa cam, 1 đĩa chuối, 2 bát chè đậu xanh, 1 đĩa bánh đậu xanh 1 bát bánh khảo.

Thêm vào đây còn có những thức tráng miệng sau này : 1 đĩa bánh ngọt tạc theo hình bát bửu, 1 đĩa bánh ngọt tạc theo hình long, ly, quy, phượng, 1 đĩa bánh ngọt xếp hoa, 1 đĩa mứt, 1 đĩa nho 1 đĩa bánh ngọt xếp theo hình ốc, hến 1 đĩa táo, 1 đĩa sen-trà, 1 đĩa mứt bí, 1 đĩa bánh ngọt cắt hình tròn mà đẹp 1 đĩa lạc, 1 đĩa hạt dưa, 1 đĩa mứt gừng 1 đĩa bánh gừng (?) v.v.

..

Sau khi tiễn quan khâm-mẫu Phan cung Tùi về nước, vua Minh Mệnh cùng các quan tuỳ tòng cũng rời Bắc Thành vào Huế. Ngài lần-lượt qua 63 quán dịch lúc đó đã thiết lập thành hành cung (xem chương thứ VII)

...

Theo cõ Cadière chủ bút tạp chí **Đô Thành** hiếu cõ (Bulletin des Amis du Vieux Huế) thi các quan văn võ tuy tòng vua Minh mệnh ra Bắc - Thành (Hà-nội) chuyễn ấy gồm có :

Quan văn : 1 vị tòng nhât phầm, 2 vị chánh nhị phầm, 4 vị tòng nhị phầm, 8 vị chánh tam phầm, 1 vị tòng tam phầm, 12 vị chánh tứ phầm, 2 vị tòng tứ phầm, 12 vị chánh ngũ phầm, 5 vị tòng ngũ phầm, 10 vị chánh lục phầm, 3 vị tòng lục phầm, 42 vị chánh thất phầm, 8 vị tòng thất phầm, 29 vị chánh bát phầm, 16 vị tòng bát phầm, 30 vị chánh cửu phầm, 4 vị tòng cửu phầm và 15 chức sắc.

Quan võ : 2 vị chánh nhât phầm, 2 vị tòng nhât phầm, 3 vị chánh nhị phầm, 17 vị tòng nhị phầm, 20 vị chánh tam phầm, 15 vị tòng tam phầm, 11 vị chánh tứ phầm, 65 vị tòng tứ phầm, 214 vị chánh ngũ phầm, 34 vị tòng ngũ phầm, 50 vị chánh lục phầm, 385 vị tòng lục

phẩm, 52 vị tòng thất phẩm, 2 vị chánh bát phẩm, 11 vị tòng bát phẩm, 4 vị chánh cửu phẩm, 3 vị tòng cửu phẩm, 1 ngự y tòng bát phẩm, 23 linh công-tánh (?);

..

Đời Vua Tự Đức (1847-1883) thi sứ Tần vào tận kinh-dô Huế tuyên phong. Ngày 22 tháng 7 năm Tự Đức thứ 2 (1848) sứ bộ Trong hoa lịnh sứ-mệnh của vua Thành Tuyên-Tông Đạo Quang (1821-1851) gồm có áu sát sứ Quảng Tây Lao sùng Quang quán tại Trường xa, Hồ nam làm chánh sứ, Lê lương Trạch tước Dụng Đạo và Trương nhữ Định tri - phủ xung chức phó sứ (1).

Sứ đoàn đến cửa Nam Quan thì các quan-chức hạt Lạng Sơn và các hậu mang

(1) Theo bài « L'Ambassade chinoise qui conféra l'investiture à Tự Đức, Bulletin des Amis du Vieux Huế N. III 1916, pages 309-314 Documents communiqués par S. E. le ministre des Rites traduits par Ngô đình Khôi.

sứ đã xếp đặt sẵn Long đinh để sắc phong và đồ lăng hào Bắc Triều ban cho vua ta. Sứ-doàn gồm trên một nghìn người (trong số này chừng độ 4, 5 trăm tùng viễn, thóng ngôn, thầy thuốc, thơ lại, đầu bếp và người mang hành-lý rất nhiều voi và ngựa. Đi giần đầu là lính cầm biển, cầm cờ, giáo, mác, đánh trống đánh chiêng. Kế đó là 15 cặp cầm trường kiếm cán mạ bạc rồi tới Long Đinh.

Quan chánh-sứ ngồi trên kiệu theo sau có các quan tùy tùng hoặc đi cảng, hoặc cưỡi ngựa, sau hết đến những người khiêng hành-lý. Cả nhữ'ng lúc qua sông cũng vẫn giữ trật-lự như thế,

Suốt giọc đường sứ bộ đi qua ở địa bàn các phủ, huyện tông làng, chỗ nào cũng giàn 2 chữ « Cung Nghênh » viết trên một tờ giấy dỏ. Các cửa hiệu đều bầy hương án bái-vọng. Travers qua miếu mạo nào linh-ứng thì sứ-doàn ngừng lại chiêm-yết. Khi sứ - đoàn qua các hạt Hải-Dương, Bắc Ninh, Hà-nội, Nam Định, Ninh-Bình, Thanh hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình thì các quan đầu tấp

dâng lễ mừng và thết tiệc. Sứ-bộ đến Hồ-xá (phía bắc tỉnh Quảng-Trị) thì quan Khâm-mạng Nam-Triều đã đem long-thuyền trang-hoàng rất nãy-quan do 1400 lính và 1000 thủy-thủ (!) trờ, sẵn sàng đón tiếp và mời sứ-bộ về bến Hương Giang.

Những chòi trong hoàng thành đều cầm cờ và trên vọng lâu phất phoi lá hoàng kỵ. Bộ binh nai-nít gọn gàng cùng 200 lính kỵ mã xếp hàng từ bến đò đến nhà công-quán. Rời bến Hương Giang sứ đoàn tiến đến cửa đồng nam rồi lưu tại phía tây nam công-quán. Long-dinh để ở gian giữa (1). Quan

(1) Công-quán này có lẽ dựng vào cuối đời Gia-Long hoặc vào đầu đời Minh-Mệnh. Khu nhà đẹp lê ấy ở phía trước Thừa-Thiên phủ trong hoàng thành, phía đông bắc cửa Kẽ-Trái. Chính tại đó vào hồi tháng một năm đinh hợi (December 1827) gặp ngày tết uân-sinh Hoàng-Thái-hậu vua Minh-Mệnh (1820-1840) đã thết tiệc lanh sự ngoại-quốc và những sứ thần Cao-manh. Ai Lao phiến thuộc quốc của nước Đại-Nam. Sau này công-quán thường dùng làm nơi giam cầm các tội nhân phụ thuộc vào đế lao Thừa-Thiên. Ở đây, các nhà truyền giáo Gogelin và Jaccard —

phủ-doãn Thừa Thiên, một vị hoàng thân và các vị hậu tiếp-sứ lần-luot đến chúc-tung và đem đồ tặng hào dẩn sang hai quan chánh, phò sứ.

...

Sáng ngày mùng 2 tháng 7 năm Tự Đức thứ hai (1848) sau ba hồi trống, các quan được cử ra để thuộc quyền sai-phái của sứ Tàu và các viên «hậu tiếp sứ» từ sáng sớm đã mặc triều-phục túc-trục tại sứ-quan. Một đoàn gồm 100 lính kỵ-mã cũng tề iệu tại đó để chờ lệnh. Các hoàng-thέu, văn võ triều

nhân viên hội truyền-giao Paris — mừng cố Franciscoitien, Oberao đế phải giam giữ nhiều lần vào những năm Cảnh Hợi (1827) nhâm thin (1832), quý_ij (1883). Năm Ất Hợi (1875) vua Tự Đức kiêng muôn nệp sứ-thần ngoại-quốc trong hưng-thịnh hàn thuần công-quán ra cửa đông nam (huy của Lương Tử) và gọi là Lương Đắc. Năm Ất dật (1885) khi kinh thành Hué thất thủ thì Thủ-tại Bạc là phủ cùa phụ chính Nguyễn Văn Trường. Sau này, nguyên soái Prud'homme cũng có bài đóng đại bản-doanh ở đây.

thần từ tam phầm trở lên thì túc trực tại điện, từ tam phầm trở xuống thì ở bên cầu Kim Thủy Một vị thần thần và 2 quan khâm-mạng đến sứ quán mời Thanh sứ tiễn cung.

Ba phát súng thần-công lần lượt nổ Trống rong, cờ mờ. Các hoàng thân và quan khâm-mạng đi đầu. Phường hát ám theo sau rồi đến Long Đinh và kiệu Bắc sứ. Đoàn tùng-viên theo sau hoặc cưỡi ngựa hoặc đi cáng. Đến mé đông nam hoàng-thành cả đoàn dừng lại xuống ngựa hay cáng chỉ có viên chánh sứ thì đến tận phía tả lầu « Cung Ngaben » mời xuống kiệu.

Vua Tự Đức đội mũ Cửu Long, mặc áo hoàng bào, lưng thắt ngọc đai, ngự tại phía hưu lầu Cung Nghênh. Trước điện Thái Hòa đã dựng một lầu Điện-Tử điện ấy đến phía nam cầu Kim Thủy đều trang-hoàng lộng lẫy. Chiếu cạp điêu khắc khắp các sân. Khi Long Đinh tiễn đến giữ'a Thè Điện thì vua ta, các quan khâm-mạng, các hoàng thân quốc thích cùng văn võ trăm quan đều quỳ xuống. Long

Đinh qua rồi, mọi người đứng giây. Long Đinh tiến vào Ngõ Môn thì 9 tiếng thần công liên-tiếp nổ. Qua cửa chính điện Tuyên Đức, Long Đinh trân trọng chí tại Thê Điện. Thanh sứ đến phía tả lầu Cung Nghênh thì vua ta cùi đầu chào. Nhà vua và Thanh sứ cùng tiến vào Thê điện. Lễ tuyên phong cử hành.

Theo lời nói thì xưởng Hoàng-thượng tiến đến trước Long Đinh quỳ xuống. Trăm quan quỳ theo. Hai vị quan trong sứ-doàn mở sắc phong ra Một vị khác trình trọng đón lấy, tuyêt đọc, đọc xong chuyền cho Thanh-sứ dâng lên vua Tự Đức. Ngài nhận lấy trao cho hai vị hoàng thân. Nhà vua iết tạ rồi ban hỏi Thanh sứ vài câu.

Kế đó, Hoàng Thượng ngự ở phía tây Thanh sứ ở phía đông; bên phải Hoàng Thượng là các hoàng thân và văn vũ đình-thần bên trái là tùng viên sứ-doàn

Sau tiệc trà Hoàng Thượng lui vào cung Thanh sứ cùng các tùng viên trở về công

quán và được Nam triều thết tiệc rất long trọng.

Vài hôm sau, Thanh sứ Lao sùng Quang về nước. Cuộc tổng tiễn cũng long trọng như cuộc tiếp rước.

PHẦN THỨ NHÌ

**— Mỗi duyên văn giáng buộc sứ Trung
hoa với sứ Việt nam — Sứ mệnh, hành
vi và tiết tháo của một vài vị Tuổc công
sứ Việt nam.**

I

Mỗi duyên văn giáng buộc sứ Trung-hoa và sứ Việt-nam.

Tuy nước ta phải đem phầm vật cống hiến Bắc Triệu nhưng vì tình đồng-văn hiến các triều thần Trung Quốc thường vẫn xử bình-dâng với nhũng Tuế cống sứ Việt Nam. Có khi vì mến tài một vài sứ thần Việt-Nam mà các quan Khâm-mạng Bắc Triệu thành-thật tỏ lòng kính-trọng các vua Việt Nam. Thắng hoặc có viên sứ Tàu kiêu ngạo, hỗn sược như Sài Thung (sang Annam vào năm Canh Thìn 1280) thì lập-tức được Nam Triều ban cho một bài học đích-dâng ngay, Ông như

những Tu師 cõng sứ Việt Nam thường là
những văn quan đại-biều cho phái trí-
thức những sứ lầu sang nước Nam phàn
đông cũng là những bậc khoa-cử xuất-
thân. Cho nên, ngoài việc quản quốc trọng
sự các vị đó đã cùng nhau xương, họa
và trở nên thi-hữu chí thân: Chúng tôi
xin cử ra dưới đây một vài câu chuyện
làm thí dụ.

Ngã lội giữa giòng.

Đời vua Lê Đại Hành (980-1009) khoảng
năm Thiên Phúc thứ 7 (đinh bọt 987)
Tống Thái Tông (976-995) phái Lý Giác
sang sứ Việt-nam. Lúc đó vừa rùa được
nhục nô-lệ hơn một nghìn năm, nước
Đại cồ Việt đang ở trong thời-kỳ chính
đốn nêu chưa có kỳ thi nào bằng chữ
Hán, Tim được 1 người kha dĩ ứng-dối
lưu-loát được với Bắc sứ về phương
diện văn học là một việc rất khó-khăn,
Sự khó-khăn ấy cũng chẳng khác nào
như hồi Minh Mệnh (1820-1840,) Thiệu
Trị (1840-1847,) Tự Đức (1847-1883) ngày

Pháp vừa sang nước Việt Nam, vua, quan nước ta phải tuyển những người thông Pháp vẫn để làm thôug-vgôn vậy.

May hời ấy đạo phật đã truyền sang nước ta có lâm nhà sư rất giỏi chữ Hán Một trong nhũng vị ấy, Thiền sư Đỗ Pháp Thuận (thường gọi là sư Thuận học rộng thơ hay và sáng việc thời-thế đã tạm-biệt thầy là sư cụ Phù Trì và chùa Cồ Sơn thay áo ca-sa, bận bộ triều-phục để giúp quốc gia về mặt văn hàn và đã công-nhiên làm quảng-cáo cho tên Đại cồ Việt lúc ấy vừa tò lại mầu thành một quốc-gia độc lập. Không nhũng làm tròn sứ-mệnh nhà vua phó thác cho mà khi đón tiếp « Thiền Sư » là Lý Giác ở chùa Sách Giang, sư Thuận lại còn khen sư Trung hoa phải khen, phục. Nhân lúc qua sông, thấy dội ngỗng trắng, Lý Giác ứng khẩu đọc hai câu thơ :

*Nga nga lưỡng nga nga
Ngưỡng diện hương thiên-nha.*

Sư Thuận liền đọc luôn 2 câu nỗi vạn thành một bài từ tuyết :

*Bạch mao phô lục thay
Hồng trao bái thanh ba*

(*Hai con ngà lội giữa giòng,
Nghênh nghênh đón mồ ngang trong
chân trời.*)

*Bồng bềnh mặt nước chơi vơi
Chân vàng nước biếc, lòng phơi trắng
ngần.)*

Lý Giác nghe thơ lấy làm thân phục, về sứ quán tặng thiền-sư Đỗ Pháp Thuận một bài thơ tỏ ý kính trọng vua ta ngang với vua Trung Quốc :

Đanh ngộ minh thần tán thịnh du,
Nhất thân nhị độ sứ Giao-châu.
Đông-dô lưỡng biệt tâm vưu luyến
Nam Việt thiên trùng vọng vị hưu.
Mã đạt yên vân xuyên lăng thạch,
Xa từ thanh chướng phiếm trường lưu
Thiên ngoại hưu thiên ưng viễn chiêu
Khê đàm ba tịnh kiều thiêm thu.

Dịch

*Gặp буди гиап vua phật cõn con,
Một thân hai chung, tới Nam-môn.*

*Đồng-delta đặc biệt lòng lưu-luyện
Nam-viết muôn trùng mắt mồi-mòn.
Ghèn đá, bụi tung chân ngựa dẹp,
Giòng sông núi đây bánh xe bon.
Ngoài trời, còn có trời soi trời,
Sóng lặng, đầm khe bóng nguyệt tròn(1)*

(Cố-nhiên thiền sư Đỗ pháp Thuận
được vua Lê đại Hành trọng - thường
nhưng, Thiền sư từ chối cả mọi sự
phong thường không mang một mảy may
phú quý, vinh hoa. Trước thái độ thanh
cao đó vua Lê đại Hành rất kính trọng
thường kêu Thiền-sư là Đỗ pháp sư chứ
không gọi tên. Năm Hưng thống thứ hai
(990 đời Lê đại Hành, sư Thuận mất thọ
76 tuổi)

Đến ngày tiễn-biéty Lý Giác, để tạ bài
thơ trên, vua Lê đại Hành ủy đại sư
Ngô chân Lưu pháp-hiệu là Khuông Việt
làm bài từ sau này tiễn chân :

Tường quang phong hảo cầm phàm
trung.

(1) Theo Việt Nam cõi văn học sử của Nguyễn
Lê Ngan, Chí trang 101-102.

Giao vong thàn tiên phục đế hương.
Vạn trùng sen thủy phiếm Thương
Lang !

Cửu thiên quy lô trường.
Tinh thảm-thiết, đổi ly-trường !
Phan luyến sứ linh lang
Nguyễn thương thảm ý khán Nam-
cương.
Phản minh báo ngã hoàng ! (1)

Dịch

*Gió lành xuôi thời cánh buồm giao ơng,
Xa ngóng thàn tiên chốn Đế-Hương.
Muôn trùng non nước trèo sông Thương
Chín trời về đường trường
Chén ly-bié t, tình thảm-thương.
Nhìn cờ sứ: nhớ-nhung chàng !
Mấy nhời nhâñ'nhả cùng quân thương:
Sắn-soe chốn Nam-Cương (2)*

(1) Theo Nam Phong tạp chí số 121 (September 1927) phần Hán văn trang 27, 29 bài (Đại Nam cao tùng chuyện).

(2) Bản dịch của Hoa Bằng Tri Tân tạp chí.

Nhờ có bài từ của Ngô châm Lưu (3) mà nước Đại cồ Việt ta nổi tiếng là nước văn-hiển. Xem thế thời công dụng của văn-chương thật không phải là nhỏ...

Triều Tiên Lê đón tiếp Tống Cảo

Vào khoảng năm kỷ-sửu (989) Tống thái Tông 976-995, phái Tống Cảo sang sứ nước ta. Khi đón, tiếp Cảo vua Lê

(3) Đại-sư Ngô châm Lưu người ở Cát Lợi chỉ thẳng-thích không chịu bỏ buồm theo lề lối thường, thuyền-giới Phong Vân Thiên sư ở chùa Khai Quốc thành Đại La (Hà-nội). Năm 40 tuổi thành-danh đại-sư đã nổi cao theo đạo pháp. Mỗi khi vua Đinh Tiên Hoàng (968-980) mời vào cung ban hỏi Đại-Sư đối-đáp rất vừa ý ngài nên được phong chức là Khuông Việt. Vua Lê Đại Hành nổi ngôi nhà Đinh đại-sư là người được trọng-dâng nhất. Phảm những việc quan quốc trọng đại trong triều đều do Đại-sư dùi vèo. Trở về già, Đại-sư về quê nhà và mến cảnh Hy Sơn dựng chùa để trú-trì tại đó. Đại-sư mất ngày 15 tháng 2 năm Thuận Thiên thứ hai (1011) đời Lý thái Tổ (1010-1028) thọ 62 tuổi (có sách chép là 70 tuổi).

đại Hành thường mặc áo vải hoa và áo
sắc hồng đội mũ trang-sức bằng châm-
báu tự rót rượu mời sứ Tần. Đến sứ về,
Tống Cảo dâng sớ lên vua Tống Thái
Tông, nguyên-văn tờ tấu ấy hiện còn
chép trong bộ Văn hiến thông khảo của
Mã doan Luân (1) (quyển 330 trang 19b,
20b sách của thư viện trường Viễn đông
bắc cõi) đại-khai như sau này :

Cuối mùa thu năm ngoài, chúng tôi
(Tống Cảo) đến Giao châu (kỷ-sửu 989),
Lê Hoàn sai nhà nội đô chỉ huy sứ Đinh
thừa Chính chờ 9 chiếc thuyền và 300
quân đón chúng tôi ở cửa biển Thái
Bình. Từ ngoài biển vào trải qua bao

(1) Ông d'Hervé de Saint Denys đã dịch
sách này ra chữ Pháp nhan-de là : Ethnographie
des peuples étrangers à la Chine, ouvrage
composé au XIIIe siècle de notre ère par Ma
Touan Lin (phong-tục những dân khác dân
Trung hoa sách của Mã doan Luân làm về thế-
kỷ thứ XIII sau kỷ-nghìn). Sách này in tại
thành Paris nhà Leroux xuất-bản 1883. Bản
dịch tờ tấu của Tống Cảo cũng đã dâng &
quyển Méridionaux (dân miền Nam) trang 316,
320.

nhiều sự nguy - hiềm. Nửa tháng sau chúng tôi đến sông Bạch Đằng theo thủy-triều lên mà đi. Những chỗ chênh tôi nghỉ đêm là 3 gian, nhà tranh mới làm gọi là Quán dịch. Đến Trường châu gần địa-phận nước Đại Cồ Việt, Lê Hoàn đem hết cả chiến-thuyền ra đón chúng tôi. Tự đây chúng tôi đi đêm lèo ven biển đến Giao châu độ 15 dặm có 5 gian đình cỏ tranh để là « mao kinh dịch ». Còn 100 dặm nữa chúng tôi tới kinh-dò Hoa-Lư Lê Hoàn sai duỗi những súc-sản của dân ra nói là của quan. Số quan không đầy một nghìn, Hoàn đương danh nói một vạn. Bao nhiêu dân định cũng trà-trộn với quân lính mặc áo tạp sắc, cuồng thuyền đánh trống reo hò. Chúng tôi đến chỗ núi gần thành thì Lê Hoàn lại treo cờ trắng trá làm cảnh-tượng dan quân. Chợt Lê Hoàn đến làm lễ giao - nghênh, nép ngựa, nghiêng mình. Chúng tôi hỏi Hoàng Thượng ngọc-thê có khang-an không xong giắt cương ngựa cùng đi. Hoàn lấy trâu cau mời chúng tôi ăn ở trên lưng ngựa: Đó là phong-tục dài khách. Trong thành

không có dân ở chỉ có vài mươi trăm nóc nhà tranh, dùng làm trại lính, ở phủ thư có ao tràn nước gọi là Minh Đức môn.

Lê Hoàn là người quê-kêch, mắt lầm-dim tự nói năm vừa rồi cùng giặc Mán đánh nhau, ngã ngựa đau chân nên nhận tờ chiếu không lẽ được. Sau vài đêm làm tiệc uống rượu vui vẻ Hoàn lại ra ngoài «vũng» vui chơi tiếp khách Hoàn đi dắt cầm cần câu lội xuống nước câu cá. Mỗi khi Hoàn câu được một con cá thì 2 bên tè, bùu đều nhảy lên reo hò vui vẻ. Phàm dự yến hội, Hoàn mặc nhiều áo sặc-sỡ và áo đỏ, mũ lấp ngọc chân-châu trang sức vào tụ hát mời rượu, chúng tôi chẳng ai hiểu câu gì. Hoàn thường sai vài mươi người mang con rắn to, dài vài mươi tấc để làm lương-thực cho sứ quan và hỏi nếu ăn được món ấy sẽ sai lầm com thế.

Đã thế, Hoàn lại sai buộc bài con hổ đưa cho chúng tôi, để lúc nào muốn xem thì xem. Chúng tôi đều khước không

nhận. Sĩ-tốt của Hoàn có độ 8 nghìn người đều viết chữ vào chán là « Thiên tử quân », ngày luợng cấp thóc lúa sai tự già lấy mà ăn. Bình khí chỉ có cung, nỏ, mộc, bài, giáo gỗ, giáo tre. Hoàn là người khinh-thoát thân-cận với những kẻ tiêu-nhân thường lấy bọn hoạn-quan làm tâm-phúc ; năm, bảy lũ đứng xếp hàng ở bên cạnh Hoàn đều muốn cho uống rượu, làm trò vui. Quan thuộc ai thạo công việc Hoàn cất về ở bên tả, hữu. Ai phạm lỗi hoặc bị giết, hoặc bị đánh vào lưng từ 100 đến 200 roi. Các quan làm phật ý Hoàn đều phải phạt từ 30 đến 50 roi, phải truất làm hồn-lại (anh-cửa trong cung-cấm) khi Lê Hoàn nguội giận thì thôi.

Lê nhac Việt-nam theo sự nhân-xét của sứ Trung quốc

Chẳng những ghi chép rất rõ ràng cách Nam-Triều tiếp-dai mình, sứ Tầu lại còn đề ý cả dến phong-tục, iạp quán Việt nam. Theo Lê quý Đôn tác giả sách

Kiến Văn tiều lục thi Trần cương Trung sứ Tầu sang nước Nam vào sau hồi Trần hưng Đạo đại-phá quân Nguyên (1288) đã viết về lê-nhạc nước ta khi Trần nhân Tông (1285-1293) ban yến như thế này :

« Nhà vua thường ban yến ở điện Tập Hiền; đào kép mỗi bên 10 người đều ngồi gिरा đất (?) có dàn tì-bà loại dàn tranh nhà Tần một giây. Tiếng hát cùng tiếng dàn hòa nhau. Giọng ca ngân dài rồi đến lời hát. Dưới điện có trò đi đầu cây sào và múa rối. Lại có trò mang gốm phủ vào mình rồi múa nhảy, gào, thét. Dàn bà nhuộm 10 mỏng chân dỗ đúng trên sàn bát múa. Thêm vào đó còn một bọn con trai hơn 10 người cởi trần nắm cánh tay nhau nối gót đi vòng quanh mà hát. Trong khi đi một người dơ tay thì cả bọn đều dơ tay mà hạ xuống thì đều hạ. Lời ca gồm có các khúc Trang chu mừng điệp, Bạch lạc thiên, Mẹ biệt con, Vi sinh ngọc tiêu, Đạp ca, Linh ca, còn lời than về thời thế thì rất thâm-thiết. Đại tiệc ở trên

điệu thi phuờng đại nhạc ngồi ở sau
nhà chài, người và nhạc khi đều không
thấy. Mỗi lần rót rượu, quân lính bô to:
« nhạc tấu » thì ở dưới nhà chài cù
những khúc Giáng châu Long, Nhập
hoàng đỗi, Yến giao tri. Âm-diệu cũng
giống như âm-diệu « cõ-thời » nhưng ngắn
và gắt »...

Đi sứ Việt nam về tuy buồi ấy binh-dao
đã lặng từ lâu mà Trần Cương Trung
còn khiếp-phục binh-sĩ đài Trần. Sự
khiếp-phục ấy thấy trong những-vần thơ
này :

*Thiếu-niên ngẫu thử thỉnh trường anh
Mệnh lạc Nam châu nhát vũ khinh.
Vạn lý Thương Lâm vô nhạn đáo
Tam canh Hàm cốc hữu kẽ minh
Kim qua ánh lý đan tâm khô,
Đồng cõi thanh trung bạch phát sinh.
Đỗ hạnh quy lai thân kiện tại
Mộng linh áo giác chướng hồn kinh.*

Dịch

Ngẫu-nhiên tuổi trẻ chức quan to,
Sai sứ sang Nam nhẹ tựa tờ !

Muôn đậm Thượng Lâm không nhạn đến
Ba canh Hàm cốc có gà o.
Lờ-mờ giáo sắt lòng kinh khiếp
Vắng vắng trong đồng tóc bạc phơ.
May được trở về thân mạnh khỏe
Chiêm bao thấy lại vẫn còn lo.

(Nguyễn đồng Chí dịch)

Xem thế thi đấu biết sau khi tàn quân của
Thoát-Hoan hai lần thua chạy vong-mạng
về Râu, người Nguyễn khiếp-phục binh-lực
nhà Trần đến bậc nào !

Hoàng Thường và Á Hồng.

Sau giặc Nguyên (1294 - 1288) hai nước
Việt Hoa lại thông-hiệu thân-mật nên sứ
bộ thường qua, lại luôn luôn. Năm Đại
khánh nguyên niên (giáp dần 1314) triều
Trần minh Tông 1314 1328 sứ Tầu là Hoàng
Thường được Nam-Triều tiếp-dâng rất long
trọng. Vàng ý-chỉ của Trần minh Tông một
viên bự tiếp đến tặng Hoàng-Thường 100
lạng vàng và nói «Quá qí ân sái tôi đến tạ ân
túc bà. Quý quốc không quên tình hiếu của
tiền quân lè qđc phái chép sự sang đây
thật vinh sủng cho hạ quốc. Hạ quốc không
biết lấy gì đáp lại thịnh-tình ấy nên có

chút lẽ mọn này dâng tặng tức hạ » (1)

Nhưng, Hoàng Thường là người liêm
khiết có tiếng một mực khước từ :

« Tôi làm quan đã có lương bổng nhà
vua cấp cho, bà tôi phải thực hành như
vậy. Chúng tôi xin trân trọng cảm tạ thịnh-
tình quý quốc nhưng rất tiếc chẳng thể
chiều lòng. »

Trần Minh Tông được tin khen ngợi
mãi. Rồi muôn Thường khởi phải trơ-
trọi & nơi bưu-dinh, một vị triều-thần
Annam hiến vuâ mét kế : « Tôi xét ra
bọn thư-sinh thường hay giàu lòng dục-
vọng mà ít tinh cương quyết. Vậy thi,
một trang mỹ-nhan có lẽ đối với Thường
còn quý hơn một trăm lạng vàng ».

Minh Tông chuẩn lời tâu ấy, tuyển
một thiếu-nữ tuyệt sắc tên là Á Hèng
theo viên bạn tiếp đến hầu sứ Tàu.

Viên bạn tiếp nói : « Quả-quân sai tôi

1) Theo tài liệu của Sở-Cơ-đơng Nâm- Phong số
176 (sept. 1932) quốc văn thi âm tùng thoại trang
218-219.

dến tạ-ân túc-hạ, túc-hạ trọng tình hiếu
hai nước kbuất-giá đến !ệ quốc, không
có ai hầu-hạ là, hẫu, chiếu-cổ khi hàn-
huyên thà là một sự lo cho quả quân.
Vậy, quả quân xin kính dâng túc-hạ
một thiểu-nữ mong túc-hạ vui lòng ưng-
nhận cho ».

Trước Hoàng Thường còn có từ sau
nè lời viễn bạn-tiếp dành ưng nhận.
Ban đầu, Á Hồng chỉ được phép lưu ở
ngoài sứ quán rồi dần dần mới được ở
trong nhà. Một đêm khuya, Á Hồng
buồn-bã ngâm một bài thơ :

Cô-quán tiêu-diều dạ tự nhiên
Bán luân tàn nguyệt quải thu thiên.
Đương thời tự hận tri-âm thiều
Bắt cập bưu-dinh nhất tá-miên.

Dịch :

(Một mình phỏng vắng trát đêm thu,
Nửa mảnh trăng tàn giữa tiết thu.
Nào & tri-âm đâu vắng-vé
Thưa đêm ngủ quán hãy phong-lưu).

Hoàng Thường đi sứ đã lâu đêm
khuya nhớ nước, nhớ nhà trăn trọc mãi

không ngủ được nghe lời thơ đề ý ngay đến Â Hồng. Sau đó ít lâu vì Thường xúc cảnh đường trường không tự chế được liền sinh lòng luyến-ai Â Hồng. Từ đó tình-tự càng ngày càng nồng và Hoàng Thường muốn nhắc lại buổi gặp gỡ đầu tiên, thường hay nói bốn Â Hồng « có-hơn & chốn bùn-dinh không ? »

Nhưng, ở đời ngày vui bao giờ cũng ngắn. Chẳng bao lâu sứ-vụ thanh thhoa. Hoàng Thường sắm-sửa hành trang về nước. Â Hồng khóc bảo Thường : « Chàng ở phương bắc, thiếp ở phương nam, quan san cách trở ngờ đâu có sự hoan-lạc nhất thời. Bấy lâu nay tình-tự kè sao cho xiết thế mà đột-nhiên bỗng én bắc, nhạn nam, nước mây chia rẽ, kè ngầm & chiết Liễn », người phú « Ly ca » cảnh đoạn-trường này còn gì đau đớn hơn nữa.

Hoàng Thường cảm-động cũng khóc nói với Â Hồng :

— Phù-sinh rất chóng mà hạc kiếp thì dài, sự ly-bié特 nhất-thời thật không đáng chú-ý đến. Nhưng, những lúc trăng đêm sáng sủa, sương sớm lồng hiên, chiếc gối, ngon đèn chắc nàng không lấy gì

giải buồn cho được. Vậy, ta quyển-niệm
tặng nàng một bài thơ để khi nào tưởng
nhớ đến nhau nàng sẽ ngâm - nga giải
buồn.

Nói xong Hoàng Thượng dè bõ câu
tử tuyệt vào quạt :

Mình nhặt tiên chu biệt Nhĩ hà,
Kim tiêu ân-ái khởi từ da.
Lai thời thuyết đáo tương-tư sự,
Vọng đoạn Hành dương khă nai hà.

Dịch :

(Sông Nhĩ thuyền tiên vội biệt nhau
Đêm nay ân-ái biết nhường bao.
Sau này nghĩ đến cơn thương nhớ
Trong cách Hoàn Dương biệt thế nào ?
À Hồng trân trọng nhẹ lindh rồi cũng
làm 1 bài thơ tặng lại :

Thiếp lệ tùy Tương-thủy,
Quân tình vọng Lĩnh-Nhai.
Bắc triều thông-hiểu cửu
Sá tiết hựu trùng lai.

Dịch :

(Tương-thủy như tuôn giọt lệ sầu,
Tình chàng nhớ thiếp biết trắng đắn ?

Bắc-triều thông hiểu còn lâu mãi
Sứ-tiết sau này lại gặp nhau.

Hoàng Thượng đọc thơ trùu-mến nhìn
À Hồng rồi rùng-rãng mãi trong lúc chia
tay. Hoàng Thượng về nước rồi, À Hồng
còn dấu những việc kè trên không cho
ai biết, sau mới đem mấy bài thơ xướng,
họa cùng Hoàng Thượng dâng vua Trần
minh Tông. Thế là danh tiếng À-Hồng
truyền khắp kinh - thành. Ai ai cũng
truyền-tụng thơ nàng và đều cho nàng
là bậc tài-nữ...

Hai mươi năm một bài thơ

Năm 1889, trên Ấn độ duong tàu Kint
Edward Steamer (1) của hãng hàng hải
Anh cát lợi trở khách từ Thái Tây sang
Viễn Đông : Trên tàu có đoàn phái-bộ
Việt Nam vừa sang dự hội Triển-lâm ở
Paris về. Trong đoàn có một vị sư chùa
Đại Tráng, một nhà nho di tu. Có nhà

1) Theo Nguyễn Đường Trường Thi của
Nguyễn triều Luật trang 138-140 Tân dân xuất bản

như vì chính-phủ Bảo-hộ muốn đem dủ
mặt nhân-vật nơi thuộc địa về thủ-đô
thượng-quốc

Sư Đại-Tráng quan không phải, dân
không phải thành ra không thân-mặt với
ai trong phái-bộ. Hàng tháng lèn-bèn
trên mặt trăng dương nhà sư chỉ còn cái
thú chơi với một ông Tầu. Một hôm sư
Đại-Tráng giờ những tập danh thiếp tự-
tích các danh-nhân Việt-nam cho ông bạn
Tầu xem. Nhưng, tờ hoa tiên nào ông
cũng nhìn một cách lơ đãng vì chữ không
tốt mà văn cũng không hay lắm. Đến một
tờ, ông Tầu cầm lấy nhìn kỹ, đọc rồi bút
dàm với nhà sư :

— Tờ này chữ tốt, văn hay, của ai thế
thor ai thế, chữ ai thế ?

Nhà sư cũng bút-dàm :

— Thưa, đó là chữ ông Nguyễn tấn
Cánh đỡ cử nhân con trai thứ tư quan
cố lai-bộ thượng-thư Nguyễn tự Giản (1)

(1) Tiên-sinh chính tên là Nguyễn văn Phú theo
mệnh vua Thiệu Trị đổi là Nguyễn địch Giản rồi
sau theo mệnh vua Tự Đức cải là Nguyễn Tư

— Hiệu Văn Lộc ?

— Vâng !

— Đã sang sứ Yên kinh. Thì thi tôi quen. Văn Lộc khi sang sứ có cùng tôi xuông, họa và là thi-hữu của tôi giạo ấy.

— Dám hỏi đại-nhân là ai ?

— Tôi là khâm-menh tru Luân-Đôn khâm-sứ đại-thần Trương Ám Hoàn Hoàng-dế có dụ gọi tôi về vì việc quân quốc trọng-sự. Thế bây giờ Văn Lộc tiên-sinh làm gì ở đâu ?

— Văn Lộc phu-tử bây giờ ngồi giây học kiêm ăn, ở nhờ đất một ông bạn vì phu tử nghèo lâm, không có nhà, không có ruộng chi cả,

— Thế là phải. Đã may mắn gặp nhau sự đây lại biết tin người bạn cũ thì tôi

Giảm đỗ tiễn-sĩ đã từng làm giáp Phó sứ trong bộ tuổ cống sứ sang Trung Quốc năm mậu thìn (1868). Đời tiễn-sinh gồm có 3 lịch-sử : lịch-sử thăng trầm ở bờ hoạn, lịch sứ văn chương và lịch sứ duy-lân. Tiễn sinh là một trong những người sáng việt thời-thổ nhất về thế-kỷ thứ 19. Chúng tôi sẽ nói tường-tập về tiễn-sinh trong tập Việt-Hoa bang giao cuối thứ tư. S.B.

gửi một bức thư và một bài thơ. Về nước, nhà sư nên vì tôi nói với cõ-nban rằng: tôi vẫn còn nhớ lâm. Năm gặp ở Yên Kinh tôi có hẹn có ngày sang Việt-Nam thi đến thăm vườn Văn Lộc dành chén một bữa. Thế mà thăm-thoát hai mươi năm rồi...

Tôi bến sư Đại Tráng vội đến Kim Sơn trình Văn Lộc tiền-sinh bức thư. Bức thư thật dài, dưới kèm bài thơ Đường Luật:

*Đỗ hạ tương-phùng nhị thập niên,
Bắc nam tung tích cự mang nhiên...
Chỉ ưng phần tâm tiêu đồng trụ!
Trùng thịnh thi ca hựu túu dien.
Vãng sụ hồi tư tăng bạch phát
Tuế hàn tương thủ hưu thanh chiên.
Mang mang thăm phụ thừa xà ý,
Nghĩ khắt Oa-hoàng bồ viễn thiên.*

Hai mươi năm qua, thời gian đã đưa Trương Âm Hoàn đến một địa vị cao quý trai-lại Nguyễn từ Giản vì số phận long đong kẽt cục chỉ là một ông đồ. Nhưng, không vì thế mà Trương Âm Hoàn quên

tinh bạn thủa xưa.

Xem thế đủ biết sứ thần Việt-Nam
được phái thương-lưu tri-thức Trung-
Quốc mến phục là nhường nào.

(1) Cũng như tác-giả Ngược đường Trường
Thị, chúng tôi không làm sao dịch được bài
thơ này ra Việt văn cho hay được, vậy chúng
tôi mong độc giả cao-minh vui lòng dịch giúp
cho. S.B.

II

Sứ-mệnh, hành-vi và tiết-thảo của một vài vị tu sĩ công sứ Việt-Nam

Bản về lẽ sách phong, nhà văn-hào
Phạm đình Hồ (1), tác-giả sách Vũ Trung
tùy bút đã viết: « Đời Lê hế có sứ Trung-

(1) Phạm đình Hồ tên tự là Bình Trực hiệu
Tùng Hiên và Đặng dã Tiều sinh năm Lê Cảnh
Hưng thứ 31 (1770) người làng Đan Lorraine, huyện
Đường An (nay thuộc phủ Bình giang, tỉnh Hải

Quốc sang phong vương thì phàm sự gì
tất cũng phải hợp triều-nghi, kén các
quan bao-tống, các hậu-mạng đón, tiếp
sứ Trung Hoa tại cửa Nam Quan. Thường
thường các vị Tuế Công Sứ nhận việc

Dương, sứ Bắc Kỳ) là một tay cự phách trong làng
văn về thời Lê-Mạc. Năm tân ty (1821) vua Minh
Mệnh ra Bắc thành nhận tước phong của vua
Tầu cũng với tiên sinh lại nơi hành tại. Tiên sinh
không những văn việc nước rất hợp ý vua lại còn
dâng ngài hai bộ sách : Lê triều hội diễn và Bang
giao diễn lệ. Lúc ngự giá lui loạn tiên sinh được
với vào sung chức Hành Tẩu trong viện Hán lâm
Năm Minh mệnh thứ 7 (1827) được thăng Hán
lâm viện biêu tu rồi Thừa chỉ.Essay giờ tiên sinh
lại dâng vua hai bộ sách Annam chí và Ô châu
lục đều được nhà vua khen thưởng và được đặc
chế phong làm Quốc tử giám tế tửu. Năm Minh
Mệnh thứ 13 (1832) tiên sinh về trí sĩ. Tiên sinh
là một nhà đại truớc tác văn chương uần súc, đã
soạn ra những cuốn sau này : Vũ trung tùy bát
Tang thương ngẫu lục, Kiền khôn nhất lâm v. v.
Thừa chỉ thời tiên sinh đã là một tay dịch thủ
thơ của nhà sĩ Hồ xuân Hương. Tiên sinh cùng
Nguyễn Án và Xuân Hương sống họa nên cả
hai được người đương thời gọi là Tam tài tử.
Tiên sinh mất năm canh tý (1840) thọ 70 tuổi.

gi-cũng hay cãi lẽ cần cho được như lẽ
khẩu đầu, quỳ gối từ năm Khang Hi (1662-
1722) đến năm Long đức đời Lê Thần
Tông (1732-1735), năm Cánh Hưng đời
Lê Hiển Tông (1740-1785) vẫn còn giảng
bàn và muỗn theo lẽ 5 lạy, 3 khẩu. Ta
(Phạm đình Hồ) xem Minh-dồ thấy lời
nghị-luận của Cha Sán trao đổi cùng sứ
thần Việt-nam còn chép trong tập « Tù
vực chân tu » tập « văn bạch-tổng » về năm
tân-iy (1762 Cánh Hưng thứ 22) ghi chép
cuộc xướng, họa tại Điện Diêu công-quán
— nơi triều-dinh tiếp Thanh-Sứ — cũng
còn chép những bài thư văn bàn lẽ của sứ
Trung-Quốc là Hàn Lâm thị độc Đức Bảo.
Đại lý tự Khanh Cố nh sĩ Tu. Một đoạn bàn
dến lẽ bái quy như sau này : « năm Ung
Chính thứ sáu (1628) chúng tôi đã tuân
theo diền-lẽ, nay Nam Triều muỗn thay
đổi chúng tôi không nghe theo được. Nhà
vương nếu muỗn sửa đổi lẽ bái quy xin
tự trần-tẫu nên chẳng còn phải đợi
Thánh Chỉ, chúng tôi không dám tự
chuyên ».

Xem như vậy thì sứ-mệnh của những
ngũ công sứ rất quan trọng và rất báu

tập. Đem chuông đi đánh nước người, các vị ấy không những phải luôn luôn giữ nguyên quốc-thề lại còn cố gắng làm cho người Trung - Hoa cảm phục nữa.

Thường thường một Tuế công sứ sang Tàu khi đã dâng quốc-thư, công phàm nhận trước phong v.v., là nhiệm - vụ đối với vua, với nước đã thành - thỏa nhưng các vị đó còn gắng làm hơn thế và đã khen người Việt Nam hiếu Trung Quốc hay trái lại, người Trung-Quốc biếu nước Việt-Nam, không cần phải vượt qua cương giới. Lâm vị lại đem ở Trung Quốc về nước rất nhiều sách quý giúp vào nền văn học Việt-Nam. Một vài nghề như nghề in, nghề dệt lụa, thuộc da v.v. đều do những vị Tuế công sứ đem ở Trung-Quốc về nước truyền bá cho dân Sư ích-lợi của những sứ đoàn thật đã hiền nhiên. Mà tiết-tháo, hành-vi và cử chỉ của ông cha ta thua trước thật đáng nêu làm gương mẫu cho các nhà ngoại giao hậu tiến vây.

Üng đối giới

Năm Ất-hợi (1275) Trần Thánh Tông (1258-1288) nhận chiếu của nhà Nguyên nhưng không chịu bái-mạng lại không trọng đại « Thiên sứ ». Nguyên thế Tô biên thư sang trách. Thánh Tông sai Lê Đà và Đinh cung Viên sang sứ đàm-bác.

Thấy sứ-thần Việt Nam vào trầu, vua Mông-Cồ thét hỏi :

— Các ngươi là sứ-thần Nam-man phải không ?

Đinh cung Viên trả :

— Tàu « Thiên Triều » vua moi rợ mới gọi là Man. Nước Đại Việt chúng tôi là nước văn-hiến xưa nay chưa từng tranh bờ, lấn cõi nước nào, cũng không hà-hiếp ai, không thể gọi là Man được. Chúng tôi là sứ-thần Đại Việt chứ không phải là sứ thần Nam man.

Nguyên Thế Tô thấy trả lời có ý xám-bóng liền hỏi :

— Man chúa nhà các ngươi không biết sức mình sao lại dám ngạo - nghê với « Thiên Triều » ?

Đinh cung Viên cứng-cỏi đáp :

— Chúa chúng tôi vẫn chịu thần-phục
Thiên Triều mới phải chúng tôi sang
cống hiến sao lại gọi là ngạo-nghẽ?

— Vậy, sao chiếu-thú của « Trẫm » đến
nơi, chúa các ngươi không chịu lạy mà
cũng không trọng dâng « Thiên sứ »?

— Lễ-bái chẳng qua là hу-văn che mắt
thiên-hạ. Chúa chúng tôi kính-trọng
« Thiên-Triều » cõi ở trong lòng; nếu
« Thiên Triều » xử nhân-đạo thì dù ngoại-quốc
chẳng giữ lẽ nhưng vẫn kính trọng
muôn phần. Không kính-trọng thì bầy
hương án, áo mũ lẽ thi-thụp cũng chẳng
ra gì. Vả sú-thần chỉ là một người
« Thiên Triều » phải sang. Bệ hạ là vua
một nước lớn. Chúa chúng tôi cũng là
vua một nước nhỏ chỉ chịu kém bệ hạ,
lẽ nào lại kém cả bầy tôi « Thiên Triều ».

Nguyễn Thế Thủ hàm hàm quát :

— Quân Trẫm đi đến đâu tan đến đấy;
chỉ sông, sông cạn, chỉ núi, núi tan. Có
sao vua, tôi nhà ngươi lại dám chống-cự?

Đinh ưng-dung tâu :

— Nếu Hoàng đế bệ hạ đem nhân-nghĩa ra trị thiên-hạ tất ai nấy cũng phải kính - phục. Nhưng, nếu chỉ cậy binh hùng, tướng dũng thì nước nào chẳng có binh, có tướng, có sông, núi hiềm-trở. Vì thế, nước chúng tôi tuy nhỏ song cũng đường-dột chống-cự lại quân Thiên Triều.

Nguyễn Thế Tô thấy sứ-thần Việt nam đối đáp trôi chảy, biện - bác hợp tình hợp lý bèn cho ra sứ-quân nghỉ-ngơi ...

Chó nhà chủ cắn người là

... Tháng giêng năm Ất - Dậu (1285), chiếm xong các cửa ải Lạng Sơn quân Nguyên tiến xuống Vạn kiếp. Trần Hưng Đạo đem chiến-thuyền, bầy trận Dực Thủy cách Vạn kiếp 10 dặm - chống lại. Thoát Hoan thả quân ra đánh. Nam quân rút lui, chiến thuyền bị địch quân chiếm rất nhiều. Khi quân Nguyên chiếm Gia Lâm, Vũ Ninh, Đông Ngạn bắt được Nam quân

thấy cánh tay người nào cũng thích 2 chữ « Sát Thát » giết gần hết rồi tiến đến Đông bộ đầu cheo hiệu cờ. Giữa lúc ấy một hải đạo do Toa Đô chỉ-huy từ Quảng châu sang đánh nước Chiêm Thành cũng tiến lên mạn Thanh hóa, Nghệ An.

Trước tình thế nguy - ngập đó Trần nhân Tông (1279-1293) muôn sai tướng đến quân-doanh Nguyên điều-dịnh xin tạm hoãn-binh, luôn siêng dò xem lực-lượng địch quân thế nào ?

Chi hậu cục thủ Đô khắc Chung tình-nghện lĩnh trọng-trách ấy. Đến noi, Ô mã Nhi đêm 2 chữ « Sát Thát » ra trách và nói : « Ai xui quân nhà ngươi thích chữ vào cánh tay xé lão như vậy, thế là khinh nhơn « Thiên - binh » lối ấy to lắm.

Đô khắc Chung ung-dung trả lời ;
— Đó là lòng trung-phản của quân-sĩ
tư trạm lấy chứ không phải ai xui chó
nhà chủ vẫn thường cắn người lạ, sao

tướng quân lại nỡ giật trách thế ? (1)

Ô-mã Nbi lại nói : Đại quân « Thiên Triều » ở xa đến sao vua, quan nhà ngươi không làm lê nghênh-tiếp lại dám chống lại ?

Đỗ khắc Chung đáp :

— Hiền tướng (trò Ô-mã Nhi) không theo cái kế của Hán-Tia đánh nước Yên, đóng quân ở đầu cõi dưa thư báo tin trước, như thế mà chúng tôi không thông hiểu mới là có lỗi. Nay hiền tướng đến tận nơi, muông thú đến lúc cùng thi cẩn, chém đến cùng thì mồ, huống chi người.

Ô-mã Nhi nói :

(1) Nguyên chữ Hán có câu : « Trich khuyên về Nghiêu nghĩa là chó thẳng trộm tên là Trich cõi vua Nghiêu nhưng Đỗ khắc Chung lại nói như trên thì không nhầm ; không tàng bốc ngợi Tàu là vua Nghiêu mà cũng không làm mất thể-danh bảo mình là thẳng ăn trộm. Phong Dao Việt-Nam có câu : Chó đầu có cắn chồ không, chẳng thẳng kẻ trộm thì ông (?) ăn mày là do ở chuyện này ra.

chim tiêu biều hạng tiêu nhân. Vẽ thế
tức là đẽ kê tiêu nhân đứng trên người
quân tử. Tôi e rằng đạo tiêu nhân mỗi
ngày một thịnh mà đạo quân-tử mỗi
ngày một suy. Tôi mạn phép xé tranh là
vì thế.

Quan khách dự tiệc ai nấy đều cho là
có lý. Từ đó, tao nhân mặc khách Trung
hoa tim đến kết giao với Mạc đĩnh Chi
rất đặng. Giữa lúc danh tiếng Mạc đĩnh
Chi lừng lẫy thì bà trưởng công chúa
Tàu tạ-thế !

Trong lễ tế điện công chúa, Mạc đĩnh
Chi được quan Lê bộ thượng thư Tàu cất
đọc văn tế.

Không ngờ bài văn tế chỉ gõn-gon gồm
có 4 chữ « nhứt » Mạc đĩnh Chi hiểu
ngay là các quan Tàu muốn « chơi chẽ »
thử tài mình. Nhưng ông vẫn điềm tĩnh
như không cất giọng sang-sảng đọc :

*Vu sơn nhứt dóa vân,
Hồng-lô nhứt diêm tuyết.
Thượng uyên nhứt chi hòa,
Quảng-hạn nhứt phiến nguyệt.*

Y! Vân tàn, tuyết tan, hoa tàn, nguyệt khuyết (1)

Một đóa mây núi Vũ.

Một điểm tuyết lò hồng !

Một cánh hoa vườn Thượng uyên,

Một mảnh trăng cung Quảng.

Ôi ! mây tàn, tuyết tan, hoa tàn, trăng khuyết.

Mấy câu Mạc đinh Chi (2) ứng-khau ra hiện-thời còn chép trong sử Trung-hoa và được người Tàu hết sức tàn-thường.

(1) Theo sách Thuyết-phu-tùng-dâm thi câu này của Dương Úc.

(2) Mạc đinh Chi vốn thuộc giòng họ Cơ nhà Chu bên Tân. Khi nhà Chu mất nước, Cơ Chất Khiết & quan Trác Lộc rời làm Chấp kích lang nước Hán. Vì có quân-cảng, Cơ Chất Khiết được tự tinh là họ Mạc rồi được thực ấp ở Trịnh-ấp. Từ đời Mạc chúa Khiết trở về sau đời nhà con cháu cũng biến-dạt và triều-cứ dần về phía nam Trung-quốc. Đến Nam Tống (127-1278) họ Mạc sinh-tụ ở Quảng Đông (thị trấn) lâm, một chi rời Phồn Ngung (tỉnh thành lỵ Quảng đông) sang ngũ tại làng Lũng Ông, huyện Chi Linh, tỉnh Hải Dương. Ngày nay được vài đời đến đời Mạc huân Tích

Ngựa bá chán

Niên hiệu Thái-Hòa (1443-1453) đời Lê
nhân Tông (1443-1459) trạng nguyên
Nguyễn Trực và bảng nhởn Trịnh thiết
Trường (1) sang sứ Trung quốc. Gặp kỵ

thi hiền-sát. Năm bính dần (1086) niên hiệu Quang
Hữu thứ hai triều Lý Nhân Tông (1072-1127) Mạc
hiền-Tích đỗ Văn-học-thủ-tayessa làm quan đỗ
thượng-thư. Em Tích là Mạc kiến Quang cũng đỗ
văn học thủ tuyển năm kỷ-tị (1089) niên - hiệu
Quang-danh thứ 5. Mạc đĩnh Chi cháu 5 đời Mạc
hiền Tích-tự là Tiết Phu mặt mũi xấu xí, lát-choắt,
lèn 4 tưởi đã bồ-côi bồ. Chỉ rất thông-minh và có
nhiliên thiên-tu dĩnh ngộ nên theo học Chiêu văn
vương Trần ict Tắc chẳng bao lâu đã nổi tiếng
văn-tài. Năm giáp-thìn (1304) đời Trần Anh Tông
Chi thi đinh văn hay hơn cả các sĩ-lử nhưng nhà
vua thấy Chi xấu xí không muốn dùng làm quan.
Chi làm bài phú Ngọc-tinh-liên tự vì vào mình
vua mới ưng cho đỗ trạng nguyên. Năm canh-tuất (1310) vua nhà Nguyễn phong Trần Anh
Tông làm Annata qvốc vương. Èè cảm tạ Bắc
Triều, Trần Anh Tông sai Mạc đĩnh Chi sang sứ
Tàu. Chúng tôi sẽ nói tường tận về sứ-bộ này
trong tập Việt, Hoa bang-giao (cuốn I, đời Đinh,
Tiền-Lê, Lý, Trần, Hồ).

thi hai vị đó cùng xin ứng-cử. Văn của Trịnh thiết Trường có phần hay hơn của Nguyễn trực Trường bảo Trực :

— Ở nước nhà tôi dỗ bỗng-nhension mà
bác dỗ trạng-nguyễn ; chẳng lẽ sang đây
tôi lại dỗ cao hơn bác. Vậy tôi giả cách
viết làm một chữ để lại dỗ kém bác một

(1) Nguyễn Trực tự Công-Dĩnh hiệu Sưu Liêu (có sách chép là Văn Liêu người làng Bối Khê, Thành oai, Hà đông, cha là Thời-Trung ngự tại Nghĩa Hương huyện An-son (nay thuộc Quốc oai Sơn Tây) sinh ngày 16 tháng 5 năm Đinh dậu (31 mai 1417) dỗ trạng nguyên năm 26 tuổi khoa nhâm-tuất niên hiệu Đại bảo thứ ba (1443). Niên hiệu Thái-hòa (1443-1453) đổi Lê nhân Tông (1445-1459). Nguyễn Trực làm Hán lâm học sĩ, võ bạ úy sau thăng An phủ sứ ở Nam sách rồi thăng hàn lâm viện thị giảng kiêm ngự tiền học sinh, bài cục thi cận và thi ngự tiền. Với chức Trưởng thư thi lang niên hiệu Thái hòa thứ ba (1445) Trực đỗ sứ Trung hoc. Khoảng năm Diên Minh 1454-1459 Minh sứ là Hoàng Gián sang nước ta. Nguyễn Trực viết những thư từ dì lại và bài biếu mừng Minh Anh Tông lên ngôi được Hoàng Gián khen ngợi. Lúc Gián về nước có làm 14 vần thơ lưu biệt Nguyễn Trực.

chút cho khôi mang tiếng nước nha
tuyền-trach không tích.

Trong bài văn của Trịnh thiết Trường
có câu : « Nam chí chū, bắc chí mā »

Thiết Trường liền viết chữ « mā » có
ba nét chấm. Bởi vậy, văn Thiết Trường
tuy hay nhưng quan trường lấy đỗ Bảng
nhờ mà Nguyễn Trực đỗ Trạng nguyên.

Nguyễn Trực vâng mệnh vua hoạ lại. Lê Nhân
Tông rất hâm dãy Trực sai Trùng sứ đỗ họa cục
về tưống Trực treo ở tǎ, hữu. Nhà vua còn tự
tay viết bốn chữ « Bối khê biệt thụ » để Trực
treo ở Tứ-dường.

2) Trịnh Thiết Trường người xã Đông-lý, huyện
Yên Định, phủ Thiệu Thiên 25 tuổi đỗ đệ tam
giáp Giảng tiến sĩ xuất thân khoa nhâm-tuất
năm Đại bảo thứ 3 (1442) Nhưng giận không đỗ
tiến sĩ cập đệ Trường xin thôi về. Năm Thái
Hoa thứ 6 (1448) khoa mậu-hìn Trường đỗ
bảng nhõn. Ngoài chwynh đi sứ cùng Nguyễn
Trực-mùa-thu niên-biệu Diên Ninh 1454-1459
thứ tư (đinh sứu 1467) Trịnh thiết Trường còn
phụng mệnh sang Trung quốc mừng vua
Minh Anh Tông lập Hoàng Thái Tử.

Nhưng, người Trung Quốc căm tức chử «Bắc mă » là ngựa Tần mà chỉ có ba chiết tức là có ba chân nên khi tiến sứ Việt-Nam về nước, họ đem con ngựa buộc lại một chân để Trịnh Thiết Trường cuối. Nếu Thiết Trường không đi được sẽ phải lưu lại Trung Quốc để Nguyễn Trực về trước. Trịnh thiết Trường biết vậy mới làm một cái chân giả bằng gỗ buộc vào chân ngựa nên ngựa ba chân mà vẫn đi được đến một dặm đường. Thấy thế, sì-phu Trung Hoa chịu Trịnh thiết Trường ứng-biển giỏi liền cởi chân ngựa cho đi đều với ngựa Nguyễn Trực.

Tô-Vũ Việt-Nam

Lê quang Bí là con Lê Nại, cháu Lê thúc Hiền, cháu ngoại Vũ Quỳnh, chắt Lê cảnh Tuân người làng Mộ Trạch Hải-Dương. Lên 5 tuổi, Bí đã hiếu học được người đương-thời tên là Thần Đổng; 16 tuổi Bí đỗ Hương giải, 33 tuổi đỗ hoàng giáp

Niên hiệu Thống-nguyén (1527) đời Lê

cung Hoàng, Bí linh chức bộ-bộ-tả-thị-lang, được cử đi sứ Trung Quốc. Bấy giờ có cả Trung-Sứ di theo chuyên giữ công-phẩm. Nhưng, đến Nam ninch viễn tông-dốc Quảng-Tây mở hòn công-phẩm ra duyệt lại thì thấy tượng vàng « Đại-thần kim nhân » là vàng giả liền tâu về kinh. Minh-thá Teng cho là vô lẽ bắt Bí giam vào ngục Bắc-ná Quan, lấy vỏ hến úp vào hai mắt, gân chặt lại rồi uyên bỗ rắng bao giờ dê đực dẻ, ngựa mọc sừng, Bí mới được phép về nước Nam.

Lê Quang Bí vẫn điềm tĩnh như thường không chút sợ hãi. Bấy giờ về mùa đông, hắn thấy trời nắng Bí lại nằm phơi bụng ra ngoài trời. Người Minh hỏi thì Bí vô bụng nói : « Tôi phơi sách vỏ trong bụng này cho khỏi mốc » Tức thời họ bắt Bí đọc cả bộ « Đại học ». Bí đọc suốt một lượt không sót một chữ nào. Triều thần Trung Quốc thấy vậy liền xin vua Tầu bỏ hai vỏ hến gân mắt Bí ra và cho Bí vào ngụ tại khách quán. Rảnh tám Bí soạn ra tập thơ dề là : « Vịnh cổ hương chí tiễn

bài » và « Tư hương vận lục » trong đó có hai bài vịnh Lê cảnh Tuân (1) và Vũ Quỳnh (2) lời lẽ rất lâm-ly.

(1) Lê cảnh Tuân là một vị trung thần đời Trần mạt. Khi Hồ quý Tỵ cướp ngôi nhà Trần, Tuân đã làm đại-biều cho một phái ngoại viễn ở nước Nam để sang Tàu cầu-cứu nhà Minh trừ họ Hồ. Nhưng, sau khi bắt được cha con họ Hồ, Minh Thành Tông (1403-1424) lại chia pước Nam bắc châu, quận của Tàu. Hối hận về kế hoạch làm lỏng của mình, Lê cảnh Tuân viết một bức « Vạn ngôn thư » cho đồng chí là Bùi bà Kỳ lời lẽ rất cảm động. Kế đó, Tuân âm-mưu việc khôi phục nhưng bại-lộ bị người Miao bắt giải về Yên Kinh, rồi bị chết trong ngục.

(2) Vũ Quỳnh tự là Thủ Phác, hiệu là Đốc Trai và Yến Xương, người làng Mộ Trạch, huyện Đường An, sau đổi là Nang-An, phủ Thuợng Hồi, tỉnh Hải-dương dở đệ nhì giáp Tiến-sĩ (hoàng giáp) khoa Mậu-tắc (năm 1478) Niên hiệu Hồng Đức (1470-1497) thứ chín (1473) đời Lê Thánh Tông (1460-1497). Quỳnh giữ chức dài-gián, không kiêng kỵ, người quyền-quý, mà làm quan ở Đông-hải thi đài tiếng anh-tiều. Bình sinh Quỳnh là người học rộng, hay khảo cổ, được đời tôn là bậc thầy từng kiêm chức tổng-tài ở sứ-quản. Quỳnh soạn bộ Việt giám thông khảo gồm 85 quyển chép từ đời Hồng Bang đến đời Lê Thái Tổ.

Tài học Lê quang Bí dần dần lừng lẫy khắp kinh-dô Trung Quốc. Một tài Bí, một người Tàu tên là Đặng hồng Thần đã đỡ cử nhân xin làm học trò. Đến khoa thi năm kỷ-vị, Thần dỗ tiến sĩ được bộ tri huyện hạt Quảng Đông rồi được thăng chưởng sự ở Yên Kinh. Thương thầy học cũ bị yêm-lưu ở đất Tàu đã lâu, Đặng hồng Thần làm sớ kêu rõ tình trạng của Bí tâu lên Minh đế! Minh đế cho vời Lê quang Bí vào trầu, an ủi ít câu rồi ba tháng sau cho về nước. Thần đặt tiệc khoản dãi và tiễn thầy gấm, bạc rất nhiều. Bấy giờ là năm Ất-tị (1545). Tỉnh ra từ lúc Lê quang Bí đi sứ đến khi về vừa đúng 17 năm chẳng khác nào Tô Vũ đời Hán. Bí về nước từ ngôi vua đã về tay họ Mạc. Hiển Tông (Phúc Hải 1541-1546) thăng Bí làm lại bộ thương thư Tô xuyệt hồn, khi mất lại được truy phong Thiếu Bảo Tô quận công...

Công việc của Phùng khắc Khoan

Đi sứ mà không làm phục mệnh vua

lại đem sở học của mình ra giúp ích
được cho dân, cho nước thì người ta phải
kể Phùng khắc Khoan đầu tiên.

Phùng khắc Khoan người làng Phùng
xá, huyện Thạch Thất (Sơn Tây) tự Hoằng
Phu, hiệu Nghi Trai đỗ thủ khoa đời Lê
Trung Tông (1548-1556) và bảng nhãn
niên-hiệu Quang hưng (1578-1599) thứ hai
(1580) đời Lê Thế Tông (1573 - 1599), là
anh em cùng mẹ, khái cha với Nguyễn
bỉnh Khiêm tức Trạng Trình. Từ khi còn
nhỏ Phùng khắc Khoan đã có tư-chất
thông minh. Lớn lên, Khoan xuong Hải
Đương theo học Nguyễn bỉnh Khiêm,
Bấy giờ nhà Lê Trung Hưng đóng đô ở
Thành Hóa, Bình Khiêm xem thiêng-văn
biết cơ-trời, liền bảo Khắc Khoan vào
Thanh Hóa phò Lê chúa. Năm dinh đậu
(1597) khi xa-gia vua Lê thế Tông ở
Nam Quan về Thăng Long, Bình An
vương Trịnh Tùng (1570-1620) phái Phùng
khắc Khoan xung chức chánh sứ. Nguyễn
nhân Thiêm xung chức phó sứ đem công

phảm sang Yên Kinh cống hiến nhà Minh và xin thụ phong.

Lĩnh trọng trách trong tinh thể khó-khăn vì bấy giờ nhà Minh còn « ngả » về họ Mạc, Phùng khắc Khoan không dè nhục đến quĩc thề. Khoan đến Yên Kinh thì vừa gặp ngày tết Nguyên Đán Đinh-thần và các sứ-giả ngoại quốc mỗi người đều phải dâng một bài thơ chúc mừng vua Minh.

Kiêng Phùng khắc Khoan, một lúc, dâng 36 bài thơ, bài nào cũng hay. Minh Thần Tông cực lực khen ngợi và phê vào tập thơ ; « Hà-dịa bất sinh tài » (đặt nào chẳng có người tài) rồi đặc cách tặng Phùng khắc Khoan làm Trạng nguyên (ở nước Việt-Nam Khoan chỉ đỗ nhị giáp tiến sĩ)

Phùng khắc Khoan lại còn biện bác để tránh cho Nam Triều khỏi phải dúc người vua cống hiến như về đời Mạc (1527-1592) Lúc rảnh, Phùng khắc Khoan họa thơ đối-dáp với Lý toái Phong sứ-thần Cao Ly, khiến Lý rất bái phục. Tuy nhiên cống-phảm của triều Lê nhưng

Minh Thần Tông vẫn « thiên » về họ Mạc, chỉ phong cho Lê thế Tông làm Annam đô thống sứ hàm quan nhị phẩm Minh triều. Minh để lại ban cho chánh sứ Phùng khắc Khoan một đồng kim-tiền, phó sứ Nguyễn nhân Thiểm một đồng ngân tiền. Niên hiệu của Thần-Tông là Vạn Lịch nên trong hai đồng tiền ấy đều khắc bốn chữ « Vạn Lịch thông bảo ».

Thấy Minh để chỉ ban cho vua nước mình một chức nhỏ, Phùng khắc Khoan dâng sớ lầu :

« Đô-thống-sứ là tước cũ của họ Mạc
Vua nước Việt-Nam chúng tôi hiện thời
là giòng giredi chính-thống, con cháu nhà
Lê. Thiến-triều phong cho chức ấy thật
không xứng đáng. Chúng tôi không dám
nhận sắc mệnh. Xin hoàng đế xét cho »

Minh Thần Tông trả lời :

— Vẫn biết họ Lê không thể ví như
họ Mạc được nhưng buỗi đâu hãy tạm
giữ chức ấy sau này hãy ban cho tước
vương tướng cũng chẳng muộn.

Phùng khắc Khoan hậm-hực lui ra trong lòng tức-giận lắm. Trở về quán đieber, Phùng khắc Khoan tháo đồng kim-tiền ném xuống đất nói :

— « Vua Tần khinh vua nước mình thế, ta còn giữ vật này làm gì cho thêm nhục ».

Phó sứ Nguyễn nhân Thiểm cúi xuống phặt đồng tiền chạc lại cho bạu và nói :

— Vẫn biết vua nhà Minh xúi với vua nước mình tệ thật song mạnh được, yếu thua là lẽ thường. Ta không ưng-thuận cũng không xong mà đương-dầu với họ thì tránh sao cho khỏi nạn binh hỏa; ở đây, nhà xá, cảnh lợ, xung-quanh tai vách, mạch rừng, ta hãy nén nhẫn-nhục. Vì có ai biết chuyện mình ném tiền vua Tần ban cho tâu với Minh Đế thì ta sẽ khó lòng về nước được. Vậy, nếu ông cho đeo chiếc kim tiền là nhục thì cho quách tôi, tôi sẽ dè cả hai đồng vàng, bạc vào chung một hộp giữ làm kỷ-niệm về việc ta đi sứ Tần.

Phùng khắc Khoan nói gắt :

— Thị đãy, tôi cho ông đó ;xin thêm
tước cho vua mà không được thì mình
còn ham lính thường làm gì ? Cả đến
chức Annam đó thông sứ tôi còn chẳng
coi vào đâu nữa là đồng tiền vàng 1
lạng. Ông có lấy thì nên giữ mà chơi,
về nước nhà đừng eó deo mà thêm nhục.

Chuyện đến tai các quan Tần ; muốn
làm nhục Khoan họ vén vào chuyện Mã
Viện sang đánh nước Việt nam dựng cột
đồng-trụ khắc chữ : « Đồng-trụ chiết,
Giao chỉ tuyệt » ra một vế đối ngụ ý
khinh bỉ nước Nam :

Đồng-trụ chí kim dài vì lực
(Cột-dồng đến nay rêu chửa xanh).

Chẳng nè-nang gì Phùng khắc Khoan
lấy ngay việc Ngô Vương Quyền đuổi
Hoằng Thao và Trần hưng Đạo đánh
quân Nguyên tại sông Bạch Đằng đổi lại :

Đằng giang tự cổ huyết do hồng
(Sông Đằng tự xưa máu còn đỏ).

Đầu tri không ăn thua họ tìm cách
ngăn không cho Phùng khắc Khoan đem

sách Tàu về nước Nam. Nhưng họ không ngăn được tri nhở của Phùng !

Việc làm đặc sắc của Phùng khắc Khoan là việc khuếch-trương tiều công-nghệ Việt Nam lúc đó đang ở trong thời-kỳ phôi-hai. Trong lúc thăm các đô-thị Trung Hoa Phùng chú-ý nhất đến nghề dệt tơ lụa. Lưu lại xưởng dệt dòng già luôn 7 hôm liền, nhờ những mua-mẹo khôn-khéo, Phùng đã đánh cắp được những bí-mật của nhà nghề định ninh khi về nước sẽ bảo cho đồng-bào biết. Lại khi qua những ruộng đất phì nhiêu bên Tàu, Phùng khắc Khoan còn nhận thấy hai thứ cây bên ta không có. Đó là cây ngô và cây vừng. Khoan muốn mua hạt giống hai thứ cây đó đem về nước. Nhưng, Minh Thần Tông đã cấm không được bán hạt giống ra ngoại quốc. Trái lệnh sẽ bị phạt nặng. Dù sao Khoan cũng tìm được cách đem về nước hạt giống hai thứ cây ấy. Đến cửa ải Nam-Quan bị quan coi ải khám-xét, Khoan dâu ít nhiều hạt giống trong người. Về đến nhà Khoan theo phương-pháp người Tàu trồng

nhiều hạt ngô và vừng tại làng Phùng xá, huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây. Chẳng bao lâu hai thứ cây ấy mọc mỗi ngày một nhiều và dần dần khắp miền chau-thồ, dân gian đua nhau giồng ngô và vừng gây cho nước ta một nguồn lợi lớn. Đã thế Khoan còn theo phương pháp Tàu dậy dân nghè dệt the lượt « Bùng » mới.

Ngày nay, để tỏ lòng biết ơn, tại làng Phùng xá, sinh quán Phùng khắc Khoan dân-chúng đã dựng đèn thờ ông tổ nghề dệt lụa và trồng cây ngô, cây vừng.

Vua Càn Long bằng lòng già cõng chúa cho vua Quang Trung và ưng trả lại nước Nam tinh

Quảng Tây

Tuy vua Càn Long (Thanh Cao Tông) đã nhượng-bộ về việc cõng-hiếu, tuy thời-thường nhà vua vẫn ban cho vua Quang Trung sâm, nhung, gấm, vóc, phong vua Quang Trung làm Annam quốc

vương và ưu đãi sứ thần Việt Nam nhưng vua Quang Trung vẫn không lấy thế làm mẫn-nghẹn. Nhà vua hi vọng lớn-lao hơn nghĩa là ngoài còn trù tính đòi lại đất Quảng đông, Quảng Tây bằng sức mạnh của súng đạn. Vì quan được vua Quang Trung uỷ linh chức chánh sứ được toàn quyền ứng túc để xin vua Tầu trả đất Lưỡng Quảng cho nước Nam là Hải Dương Chiêu Viễn hầu, đại đô đốc, đại tướng quân Vũ văn Dũng.

Nhận được sắc văn của vua Quang Trung đề ngày 15 tháng tư năm nhâm-tí (1792 Quang Trung thứ 4) Vũ văn Dũng vội-vàng từ Hải Dương vào Phượng hoàng trung đô (Nghệ An). Nhà vua định-ninh dặn dò Dũng công việc sứ-trình và cần nhất Dũng phải chú ý xem xét địa-thể, sơn-xuyên ở Trung-Quốc để tiện việc dùng binh sau này. Dũng vâng-mệnh rồi bái biệt vua Quang Trung lên đường. (1)

Tới Thanh-triều, bệ kiến vua Càn Long

1) Thuật theo tài-liệu của Lê văn Hèo Trung
Bắc chủ nhật xuân quý mùi 1949.

xong Vũ văn Dũng dâng tấu chương dài-khai nói :

— « Thần ở đất Nam-giao xa cách, lũ
vân khiêm-khuyết nhiều điều. Nay có
hai việc quan hệ đến phong-hoa, hệ lại
bang-gia, thần dâng nghị ngợi bàn tán
lâu rồi mà chưa quyết. Nay mạo muội
tâu lên bệ hạ mong ngài xét cho. Việc
thứ nhất là việc vợ chồng gốc của nhân
luân. Thần, quốc vương xuân thu định
thịnh mà phổi - thất chưa được nơi.
Người trong nước đều là thần-!ù cả, theo
lẽ không ôn mà lân quốc đều được phiền
phong, tục họ dâng ghét. Việc cầu hôn
nghị đã lâu ngày mà chưa sao định được.
Cùi mong thánh-thượng xét thương cho.

Việc thứ nhì là việc định đất đóng đỗ.
Nước thần ở vào nơi hẻo lánh, xe thuyền
kho nỗi giao-thông, côn sơn phù mạch,
vương khí không nhiều mà lại bị bọn
quan đỗ-hộ nhân tâm tạo doan mất hết
thành ra việc định đỗ nghị mãi không
xong, cùi mong thánh-thượng xét cho...»

Tấu-chương tâu lên bách quan Trung
hoa người thì hầm hầm mặt giận, người

người nhạt lanh-láng, vẻ bất-bình lộ ra nét mặt. Duy có một vị thương quan là không tỏ vẻ gì (có lẽ vị ấy là Hòa Thân) Vua Càn Long ra lệnh đê bắn tấu lên ngự lâm, Nhà vua thân cầm bút chầu-phê chỗ khuyên, chỗ gác rồi giao xuống định thần nghị xét.

Hôm sau khi bệ kiến vua Càn Long ở Ý lương-các về sứ quán, Vũ-văn-Dũng bàn-bạc cùng nhân-viên sứ - đoàn rồi dâng một lầu-chương nứa lên vua Càn Long :

« Người lớn thương xót người bé dở là quan tử chi tâm ; lấy văn minh khai hóa man di dở là thánh-nhân chí lượng (1)

Đó cũng là thề theo ý trời đặt chở che vua

1) Nguyên-văn 2 bản tấu chương này chúng tôi sẽ in trong cuốn Việt, Hoa bang-giao mục nói về « cuộc bang-giao nhà Tây Sơn với Bắc triều ».

đắp vây. Nước thàn là một phiến thuộc ở cõi xa xôi, bấy lâu vẫn tôn sùng thanh giáo. Từ đời nhà Triệu trở về sau đài 6 họ đến 12 sứ-quân đã bao lần bê đầu biển đài. Rồi từ đời Lê Hoàn tới giờ, trải hơn mươi đời, biển-dâu gấp phải tai-trong, lê-thú chịu bao đòn thán. Đó cũng là nỗi địa-khi thương-tàn, vương kỵ bắt chính xui nêu-vây. Cứ mong chin từng xoi xát mớ lòng nhân thương khắp muôn dân, chuẩn ban cho 2 tỉnh Quảng làm nơi đóng đô và ly-giáng cho thàn quốc-vương một nàng công-chúa để xây nền phong-hóa cho dân ở nơi biên-thùy, khiến Thàn quốc-vương được gần gũi hẫu bên bờ hạ, hưng đón hoàng-phong, nhuần ơn mưa móc, hưởng nền bình trị, vĩnh khánh cửu trùng thi thật là cái đại-khánh của Thàn Quốc Vương vây.

Tiếp Sử-thần Việt-Nam ở Ý lương các vua Càn Long ban hỏi mọi việc thấy tấu đỗi khôn ngoan, hợp tình, hợp lý đã tö lời khen-ngợi là biết lẽ quân, thàn, là không nhục vương mệnh, nên nay thấy tấu-chương của Vũ văn Dũng Ngài bèn ưng chuẩn cho cả 2 việc, song, 2 tỉnh Quảng thì Ngài chỉ chuẩn cho vua Việt-nam một tỉnh Quảng-Tây.

Hôm sau, Thanh đế ban yến tại triều
đại sứ Việt-nam và sai lê bộ thượng thư
sửa soạn việc hôn nghị để định ngày
dưa công-chúa sang Việt-nam.

Ăn yến xong Vũ văn Dũng tiếp được
thiếp của bộ Lễ vời tôi : bộ lê hỏi Dũng
vua Quang Trung năm ấy bao nhiêu
tuổi để xem ngày định việc vu quy.

Vũ văn Dũng đáp : « Còn gái Hoàng
Đế không giống con gái nhà thường dân
ly giáng lương kỳ, cứ do mệnh lệnh
Hoàng đế định đoạt là dù việc gì phải cầu
nệ tục thường. Vả chăng tục nước tôi
vua bao nhiêu tuổi thần dân không được
biết nên tôi không dám trả lời hây-bạ.

Lê quan mỉm cười nói : « Thực ư ?
Đó là nghe ngoại-quốc sùng thượng tâng
nêu hỏi đứa như vậy thôi ! Chứ không
cần phải lựa chọn ngày tháng ». Vũ
văn Dũng làm tròn sứ-vụ chỉ còn đợi
ngày về nước thì 1 buổi chiều đang ở sứ
quán tự-nhiên ông thấy nóng ruột và
máy mắt luôn luôn Dũng không biết sẽ
có sự gì xảy ra, thì nghe bọn quan tiếp
sứ (người Tầu) nói riêng với nhau :

— Tòa tu-nhiên xem tinh - tượng nói
vua nước Nam sẽ có tai-ương lâm thân,
chẳng hay sứ thần Việt-nam đã biết chưa?

Có người trả lời :

— Đến đại-thần nước ta cũng nhiều
người không biết huống hồ là Man sứ !
Vũ văn Dũng hiều ý ba ngày liền ở nhà
ai mời chơi bài yến tiệc cũng từ chối.
Ngày thứ 3 bỗng có thiếp của viên chánh
tông tài Trung hòa đường mời Dũng đến
chơi có việc cần-cấp. Viên Tông Tài hỏi
Dũng sao ba hôm liền không chịu ra
ngoài ?

Vũ văn Dũng đáp

— Chúng tôi khi ở nước nhà hẽ vua
lo thì bấy tôi cũng không yên. Thế mà
3 ngày nay, chúng tôi nóng ruột quá,
không hiểu vua nước tôi có sự gì khẩn
cấp mà bấy tôi không yên lòng ! Cho
nên tôi không dám đi đâu chơi xin quan
lớn thứ lối.

Trung hòa Đường nói : Đã vậy xin
mời Ngài về sứ-quán nghỉ-ngơi.

Hôm sau có chỉ triều, Dũng vào bệ kiển

SÁCH CỦA
SÔNG BĂNG BẾ LĀNG NGOẠN
Sê lān lượt xuất-bản

1. Việt, Hoa bang-giao (tập I đời Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ).
2. Việt, Hoa bang-giao (tập II đời Hậu Lê Mạc, Lê Trung Hưng phụ thêm cuộc giao thiệp với nước Nhật Bản và các nước Âu Tây).
3. Việt, Hoa bang giao (tập III đời Nguyễn Tây Sơn).
4. Việt, Hoa bang giao tập IV (đời Nguyễn bắn triều phụ thêm cuộc giao thiệp với nước Chân Lạp và Xiêm-La).
5. Việt sử thuyết-minh (truy-nghuyên, phê bình phán-doán sử thật Việt-nam).
6. Việt sử khâm-trayền (truy-nghuyên những phong giao Việt-nam liên lạc với Việt-sử qua các thời-đại).
7. Pháp, Việt sơ giáo (khởi-thủy từ thế-kỷ XV đến thế kỷ XVII)
8. Hồ Quý Ly
9. Mạc-Triệu
10. Anh hùng đất Việt.

ĐANG IN:

Công và tội mầy bắc vây-nhân Việt-Nam

QUỐC-HỌC THU-XÃ

R. C. Hanoi n. 855

Giám - đốc LÊ VĂN HOÈ
16bis Rue Tien Tsin Hanoi

ĐÀ XUẤT - BẢN

S.E. PHẠM QUỲNH

Sử-học 0p50

LÊ VĂN HOÈ

Quốc sử định ngoà
(bết)

Tâm nguyên từ điển
(bết)

Học thuyết Mặc Tử
(bết)

Trầm hoa 0p60

Khổng Tử Học Thuyết I
4p50

Hắc Đầu Bội tinh 0p20

Giao chí 0p25

Hàn lâm viện 0p25

Sĩ 0p25

Tú hinh 0p25

Tú phổi 0p25

Tú thư 0p25

Thống chế 0p20

VĂN HỌC

Người lịch-thiệp (bết)

Thi-nghệ (còn ít) 0p48

Thi-thoại (gần hết) 2p00

THÀNH THẾ VĨ

Đạo Sống (gần hết) 2p00

Triết-Học 0p25

Tâm-lý học 0p25

Luận-lý học 0p30

NGUYỄN XUÂN NGHĨ

Lược khảo Mỹ - thuật

Việt Nam (còn ít) 1p50

Tâm-Hiếu kinh 1p20

LÂM GIANG

Triết Học Đại Cương

(còn ít) 3p00

SÔNG BẰNG

BẾ LÃNG NGOẠN

Việt Hoa thông sử sú

lược 5p00

QUỐC HỌC THƯ - XÃ

SẮP PHÁT-HÀNH

LÊ VĂN HÓE

Lịch-Sử báo chí
hoàn cầu
Lược-luận về phụ-nữ
Việt-Nam.

Trung-Hoa địa-danh
âm-thích.

Khổng Tử Học Thuuyết
pho II (gồm quyền II
và III)

Khổng Tử Học Thuuyết
pho III (gồm quyền
IV và V)

Luận Ngữ Chính Nghĩa

LÂM GIANG

Luận lý du thuyết yếu
thuật

Đông Tây thi ca hợp giải

MÂY NGÂN

Thơ Mây Ngân

SÔNG BẰNG

Việt Hoa Bang Giao Sứ

Thành-thể-Vỹ

Triết Học tạp bút
v. v...

Nguyễn-khắc-Kham
Vũ-Bằng

Lê-văn-Hoe

Nghệ-Thuật và
Danh-Giáo

ĐƯỜNG SƠN

Việt-Nam Văn-Pháp

Khảo về văn biền ngắn

Lịch-triều chính-chế sử

Tầm nguyễn đại từ điển

Tân học thuật từ điển

Việt-Nam bách khoa

đại từ điển

v. v...